

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

22

CHIẾN THẮNG QUÂN MÔNG LẦN THỨ NHẤT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN TRUNG TÍN



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 22: CHIẾN THẮNG QUÂN MÔNG LẦN THỨ NHẤT

Tái bản lần thứ 2

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Chiến thắng quân Mông lần thứ nhất / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Trung Tín. - Tái bản lần 2. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

96 tr. : minh họa ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.22).

1. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Trần, 1225-1400 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.

II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam — History — Trần dynasty, 1225-1400 — Pictorial works.

959.7024 — dc 22

C533

LỜI GIỚI THIỆU

Người xưa vẫn thường bảo rằng: “Cơ trời, vận nước”. Cơ trời xoay vần, vận nước gặp con nguy khốn. Người Mông Cổ - vốn vẫn bị nhà Tống miệt thị là bọn man di – phút chốc bỗng trở nên hùng mạnh, nuôi mộng bành trướng, xua quân đi khắp Á – Âu tiến hành xâm lược. Nước ta tuy nhỏ, nhưng địa thế chiến lược, làm bàn đạp tấn công nhà Tống, thâm tóm Trung Hoa, nên chẳng thể nằm ngoài sự láo liên của chúng. Chúng khinh bạc cho rằng ta chỉ là tiểu quốc, chỉ cần hù dọa rồi lại vỗ về lừa bịp, chiếm được nước ta như trở bàn tay.

Ấy vậy mà chúng chẳng thể ngờ rằng: Nước ta tuy nhỏ, dân thưa mà lại chẳng thiếu người hào kiệt. Vận nước gặp buổi lâm nguy cũng là lúc rõ mặt kẻ anh hùng. Dẫu cũng có kẻ bạc nhược, sinh lòng hám lợi mê danh, nhưng bên bậc minh quân chẳng thiếu bề tôi trung, lại thao lược việc quân, quên thân vì nước. Chẳng những thế mà, dân – quân một lòng, chẳng tiếc tấm thân, cùng nhau hướng về vận nước. Vậy nên, thế giặc mạnh mà ta không nao núng, chẳng mấy chốc mà đuổi được kẻ thù khuất dạng, sử cũ còn ghi danh.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 22 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chiến thắng quân Mông lần thứ nhất”** phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Trung Tín thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 22 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Từ những bộ lạc riêng rẽ, Thành Cát Tư Hãn đã thống nhất và dựng nên đế quốc Mông Cổ. Từ đây, mộng bành trướng của người Mông Cổ bắt đầu được thực hiện. Họ xua quân đi khắp Á – Âu, khởi đầu bằng việc xâm lược Tây Hạ ở phía bắc Trung Hoa.

Với dự định dùng Đại Việt làm bàn đạp tiêu diệt Nam Tống, Mông Cổ đã xua binh xâm lược nước ta. Dẫn cuộc chiến khởi đầu với sự thất bại của Đại Việt nhưng cuối cùng Đại Việt đã đánh đuổi được quân xâm lược, bảo vệ vẹn toàn độc lập chủ quyền của nước ta.



Thành Cát Tư Hãn

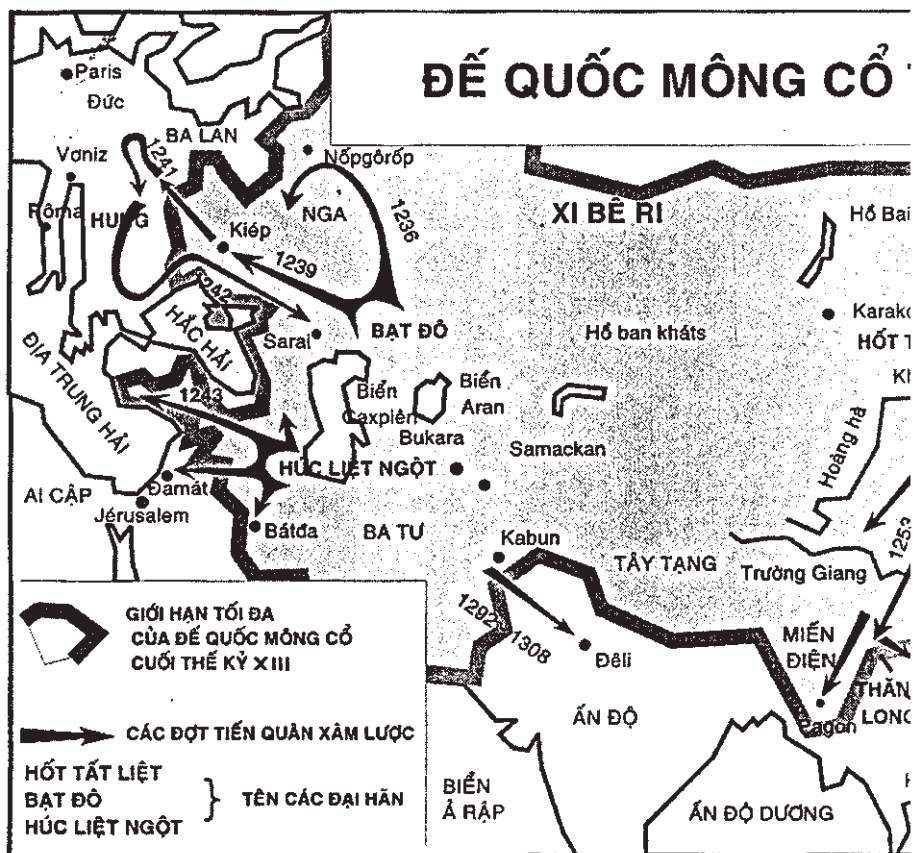
Vào đầu thế kỷ XIII, nước Đại Việt xảy ra những cuộc nội loạn cuối nhà Lý, đầu nhà Trần. Trong khi ấy, tại vùng thảo nguyên thuộc nước Mông Cổ ngày nay, Thiết Mộc Chân (Temujin) đánh gục các bộ lạc riêng lẻ, thống nhất đất nước, lên làm Đại Hãn tức Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Đại Hãn là danh xưng của hoàng đế nước Mông Cổ.



Bấy giờ, người Mông Cổ sinh sống theo lối du mục. Đi đến đâu, họ dựng lều trại đến đấy. Của cải quan trọng của họ là bò, cừu và quý nhất là ngựa. Quân Mông Cổ rất có tài cưỡi ngựa, bắn cung. Sức mạnh của quân đội Mông Cổ chủ yếu dựa đoàn kỵ binh (lính cưỡi ngựa). Có câu truyền tụng về sức mạnh của quân Mông Cổ như sau: *“Hễ nơi nào có vó ngựa quân Mông Cổ đi qua, thì nơi ấy cỏ không thể nào mọc lên được nữa”*.



Ngoài ra, quân Mông Cổ còn có chiến thuật đánh trận mãnh liệt, khi ẩn khi hiện. Khi bắt đầu giao phong, toán kỵ binh ào ạt xông thẳng vào đối phương. Nếu đối phương không nao núng, toán kỵ binh ấy tản ra ngay, nhường chỗ cho toán khác tấn công. Và cứ thế, từng toán liên hoàn áp đảo cho đến khi hạ gục được họ. Trong trường hợp không hạ được đối phương bằng cách ấy, quân Mông Cổ xua súc vật vào trận địa hoặc bao vây địch cho đến khi hết lương thực.



Với đoàn quân thiện chiến ấy, Thành Cát Tư Hãn tung hoành khắp Âu - Á. Các quốc gia ở phía bắc Trung Quốc như Tây Hạ, Kim, Triều Tiên... và cả miền Trung Á đều không kháng cự được, trở thành thuộc địa của Mông Cổ. Sau khi Thành Cát Tư Hãn chết, con là Oa Khoát Đài (Ogodai) lên thay, vẫn tiếp tục con đường xâm lăng. Đế quốc Mông Cổ được thành lập. Cuộc viễn chinh tiến về phía Tây, chiếm lấy vùng đất sông Volga và xâm nhập vào châu Âu. Cả châu Âu rung động.

A black and white woodblock-style illustration of a traditional Chinese interior. A central figure, likely a deity or noble, sits on a raised platform under a large, draped canopy. The figure is flanked by two large, ornate incense burners. The room is decorated with patterned textiles and a large rug on the floor.

Năm 1252, em của Mông Kha là Hốt Tất Liệt (Kublai) cử Ngột Lương Hợp Thai (Uriyankhadai) đánh lấy nước Đại Lý (là vùng đất Vân Nam thuộc Trung Quốc hiện nay, phía bắc Đại Việt). Vua nước Đại Lý thua trận, bị bắt, phải đầu hàng. Sau chiến thắng ấy, quân Mông Cổ chuẩn bị tấn công nước Tống.



Trước khi xuất quân đánh Tống, Mông Kha làm lễ tế cò trên bờ sông Karulan rồi chia quân ra làm bốn cánh. Ba cánh quân có nhiệm vụ vượt sông Trường Giang, đánh từ phía bắc xuống; trong đó có một cánh do Mông Kha đích thân chỉ huy. Cánh quân thứ tư do Ngột Lương Hợp Thai dẫn đầu, xuất phát từ Đại Lý, có nhiệm vụ đánh chiếm Đại Việt để làm bàn đạp đánh vào sau lưng nước Tống.

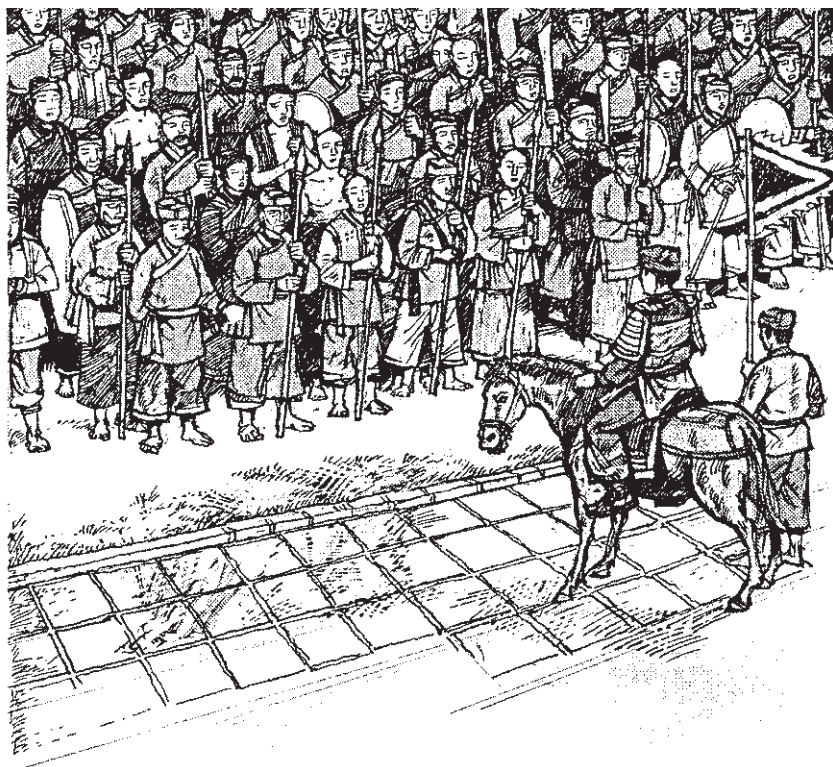




Để dễ dàng chiếm Đại Việt, Ngột Lương Hợp Thai lệnh cho một đoàn sứ giả đến Đại Việt chiêu hàng. Đoàn sứ giả nghênh ngang đến Thăng Long, ra mắt vua Trần Thái Tông và uốn lưỡi dụ dỗ. Chúng bảo rằng quân Mông Cổ chỉ mượn đường qua Đại Việt để tiến đánh nước Tống chứ không có ý đồ xâm lấn Đại Việt. Vua Trần Thái Tông không cần nghe dài dòng, hạ lệnh tống giam đoàn sứ giả vào ngục.

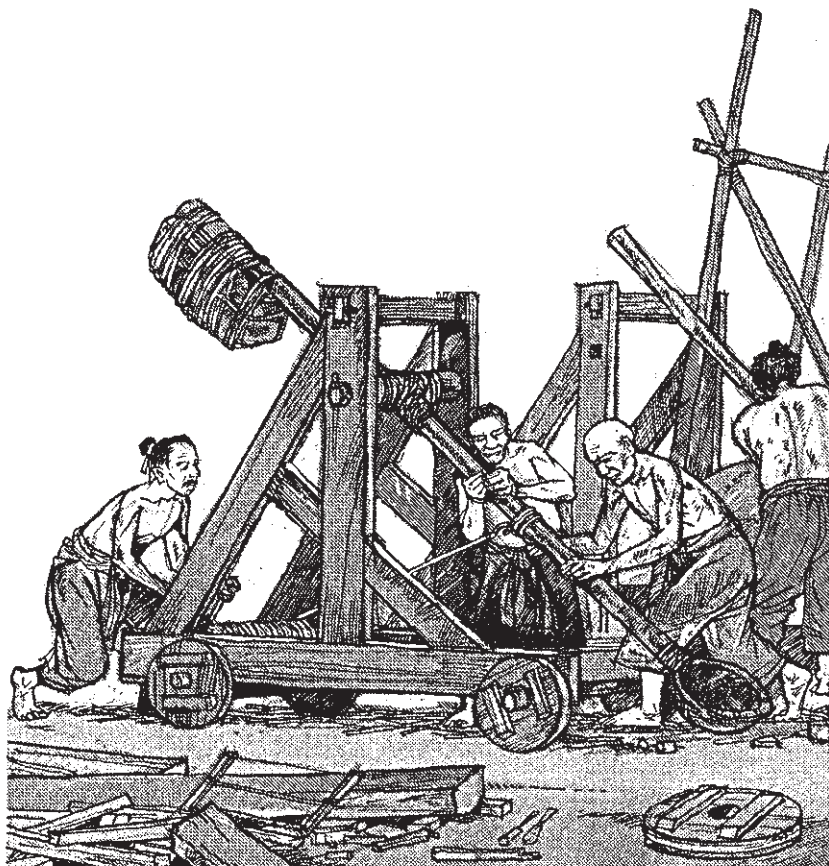


Là người nhìn xa trông rộng, nhà vua dự đoán sẽ có ngày vó ngựa Mông Cổ xâm lấn Đại Việt, nên đã có chính sách quân sự rất sáng suốt. Đó là chính sách “ngụ binh ư nông”: Khi trong nước có cảnh chiến tranh thì triều đình cứ theo hộ khẩu, gọi tất cả trai tráng vào lính. Vào thời bình, họ được trở về quê làm ruộng. Nhờ đó, việc tuyển quân rất nhanh chóng nhưng cũng rất kỹ lưỡng, chỉ chọn những trai tráng khỏe mạnh.



Ngoài ra, các thân vương quý tộc cũng có quyền tuyển mộ lính và lập nên quân đội của riêng mình. Số quân lính này cộng với quân đội của triều đình tạo thành một lực lượng rất hùng mạnh. Có sách cho rằng quân số dưới thời này lên đến 200.000 người. Các tướng lĩnh chỉ huy lại là những người tinh thông võ nghệ. Họ đều bắt buộc phải học tập chiến thuật ở Giảng võ đường.

Giảng võ đường được thành lập vào năm 1253, là lò dạy về nghệ thuật quân sự. Tại đây, các tướng lĩnh học hỏi binh pháp và tập dàn quân đánh trận. Nếu tập trận nhỏ thì bố trận ở hồ Lục Thủy (còn gọi là hồ Thủy Quân, nay là hồ Hoàn Kiếm. Lúc đó hồ Lục Thủy còn rộng lớn, thông với sông Cái). Nếu tập trận lớn thì dàn quân ở Đông Bộ Đầu trên sông Cái (tức sông Hồng). Về vũ khí, quân nhà Trần còn được trang bị hồi hồi pháo (tức máy ném đá) và hỏa khí (bắn lửa bằng ống đồng).



Với lực lượng quân sự như thế, vua Trần Thái Tông vững lòng
nghe chiến. Vào tháng 9 âm lịch năm Đinh Tị (1257), nhà vua
ra lệnh cho viên tướng trẻ Trần Quốc Tuấn đem quân thủy bộ
lên phòng ngự vùng biên giới, đồng thời xúc tiến việc sắm sửa
vũ khí. Lệnh ban xuống cho toàn dân khẩn trương rèn dao, mài
kiếm, vót tên.



Trong khi vua Trần Thái Tông chuẩn bị binh mã thì Ngột Lương Hợp Thai vẫn đợi tin tức của đoàn sứ giả. Đợi mãi không được, y áp sát quân đến biên giới phía bắc của Đại Việt, đồng thời liên tiếp sai hai đoàn sứ giả nữa đến chiêu dụ vua Trần. Nhưng hai đoàn sau cũng bật vô âm tín. Ngột Lương Hợp Thai vô cùng tức giận bèn ra lệnh xuất quân.



Cánh quân đi đầu của Mông Cổ tiến dọc theo bờ sông Thao, lấn sâu vào đất Đại Việt. Còn một cánh do con trai của Ngột Lương Hợp Thai là A Châu (Aju, có sách gọi là A Truật) đi sau một đoạn để yểm trợ. Hai cánh quân này vừa tiến vừa thăm dò tình hình quân Trần để cấp báo cho đại quân ở phía sau.





Ngay khi quân giặc vừa rục rịch xuất binh, ở Thăng Long vua Trần đã nhận được tin cáo cấp từ biên giới báo về. Nhà vua bàn bạc với các tướng và chọn Bình Lệ Nguyên, một cánh đồng rộng lớn nằm giữa sông Thao và sông Cà Lồ (nay thuộc Mê Linh, Hà Nội) để dàn trận. Đây là nơi dòng sông có nhiều rạch cắt ngang như những chiến hào thiên nhiên rất thuận tiện cho việc ẩn quân để chống giặc cũng như rút quân khi cần thiết.

Vua Trần Thái Tông thân chinh cầm quân chống giặc. Ngài được một dũng tướng tài ba là Lê Tần giúp sức. Sử sách ghi lại rằng Lê Tần là người gan dạ, tính tình điềm tĩnh mà lại đa mưu túc kế. Ông cùng bàn bạc với nhà vua để bày thế trận đồng thời vẫn không quên hun đúc tinh thần chiến đấu của quân sĩ. Nhờ thế, quân tướng trên dưới đều một lòng quyết tâm đánh giặc.



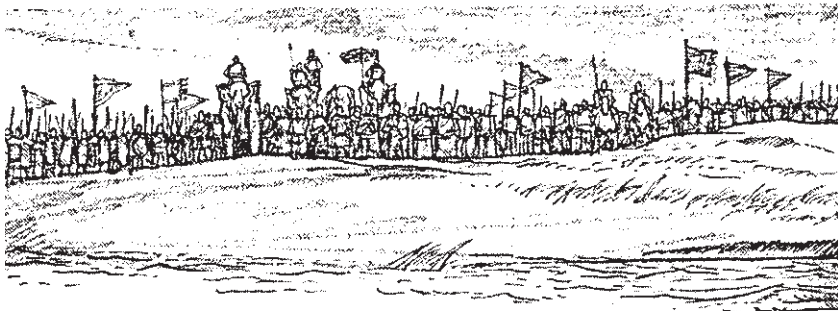


Trong lúc gấp rút chuẩn bị, quan Chuởng ấn (quan giữ các ấn của nhà vua) đem giấu ấn báu lên trên xà ngang nóc cung điện Đại Minh và chỉ đem theo ấn mật dùng trong nội bộ. Nhưng nửa đường, chiếc ấn mật bị rơi mất. Để chỉ huy việc quân, vua đành phải sai thợ khắc một chiếc ấn bằng gỗ^(*) dùng tạm.

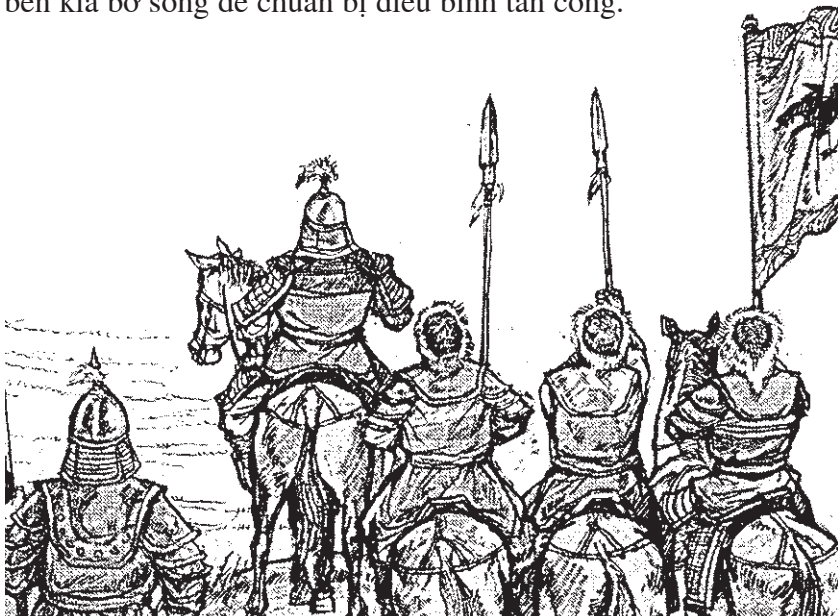
** Ấn là tượng trưng quyền uy của vua, thường được đúc bằng vàng ròng hay đồng đỏ.*



Dù mất ấn nhưng việc chuyển quân vẫn tiến hành khẩn trương. Thuyền binh của Đại Việt chở quân, voi, ngựa đến Bình Lệ Nguyên (thuộc Vĩnh Phúc ngày nay). Quân lính và voi, ngựa đổ bộ lên cánh đồng, dàn trận san sát. Thuyền được đưa tránh xuống bến Lãm Mỹ ở khúc sông phía dưới (nay là xóm Bến, làng Thịnh Mỹ, Mê Linh, Hà Nội), có nhiệm vụ đón bộ binh nếu thế trận trên bờ thất lợi.



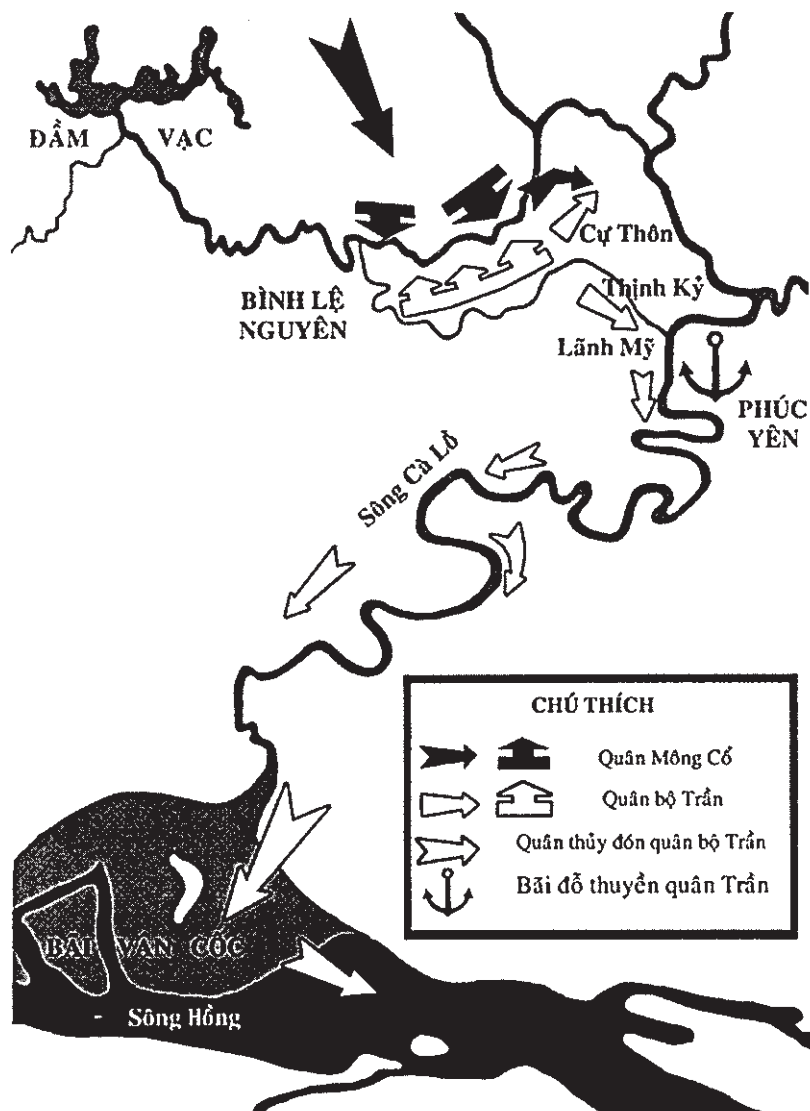
A Châu cho quân đi dò thám, thấy tình hình chuẩn bị ứng chiến của quân đội nhà Trần bèn thông báo cho cha. Được tin báo, vào ngày 12 tháng chạp âm lịch (17-1-1258), Ngột Lương Hợp Thai thân hành đem đại binh xâm nhập vào đất Đại Việt và gặp hai cánh đi trước ở vào khoảng Việt Trì ngày nay. Hợp quân xong, đại quân Mông Cổ tiến đến nơi quân Đại Việt chốt giữ và dàn trận bên kia bờ sông để chuẩn bị điều binh tấn công.





Tướng tiên phong của Mông Cổ là Triệu Triệt Đô (Cacakdu, có sách phiên âm là Triệt Triệt Đô) được giao nhiệm vụ dẫn 1000 quân đi trước, vượt qua sông nhưng không đánh ngay mà chờ cánh quân tập hậu đánh vào sau lưng quân Đại Việt mới xông ra cướp thuyền, chặn đường rút lui và bắt sống vua Trần. Việc vượt sông tập kích phía sau do cánh quân của A Châu đảm nhiệm, phối hợp với đại quân do Ngột Lương Hợp Thai đích thân chỉ huy tấn công chính diện vào quân Trần.

TRẬN BÌNH LỆ NGUYÊN



Trước sức mạnh hung hãn của quân Mông Cổ thiện chiến, vua Trần Thái Tông không nề hà hiểm nguy, tự mình dẫn quân tướng cự địch. Nhờ địa hình chiến trường phức tạp, nên lúc đầu quân Trần chiếm lợi thế, hạ gục nhiều tên lính Mông Cổ.



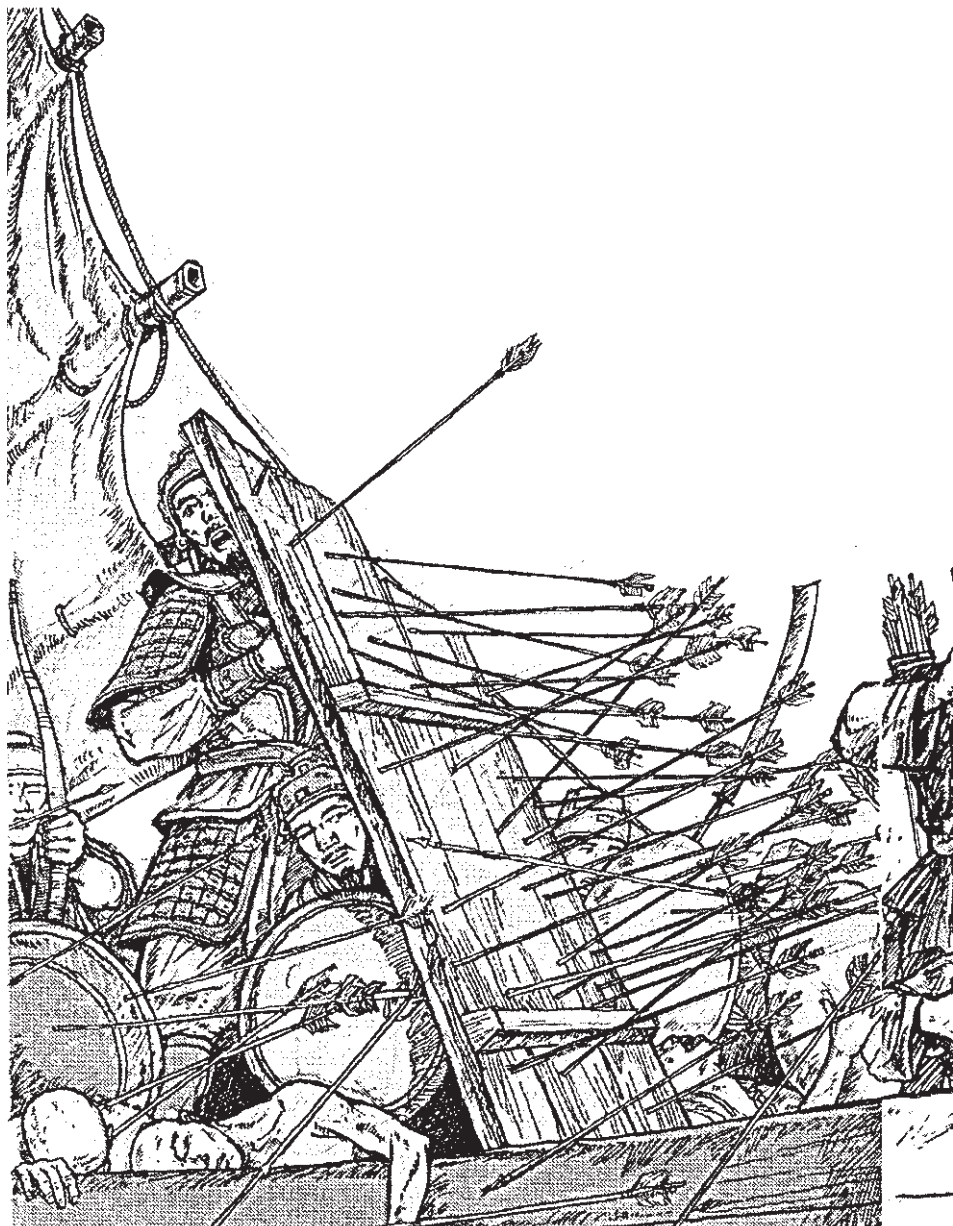


Nhưng đại quân Mông Cổ lại gồm toàn những tay thiện xạ bách phát bách trúng và giàu kinh nghiệm trận mạc. Không tấn công được người, chúng dùng cung tên bắn loạn xạ vào voi ngựa của quân Đại Việt khiến những con vật này hoảng sợ, lồng lên. Cuối cùng, thế trận bị vỡ, quân Đại Việt phải rút lui theo đường sông như đã định.



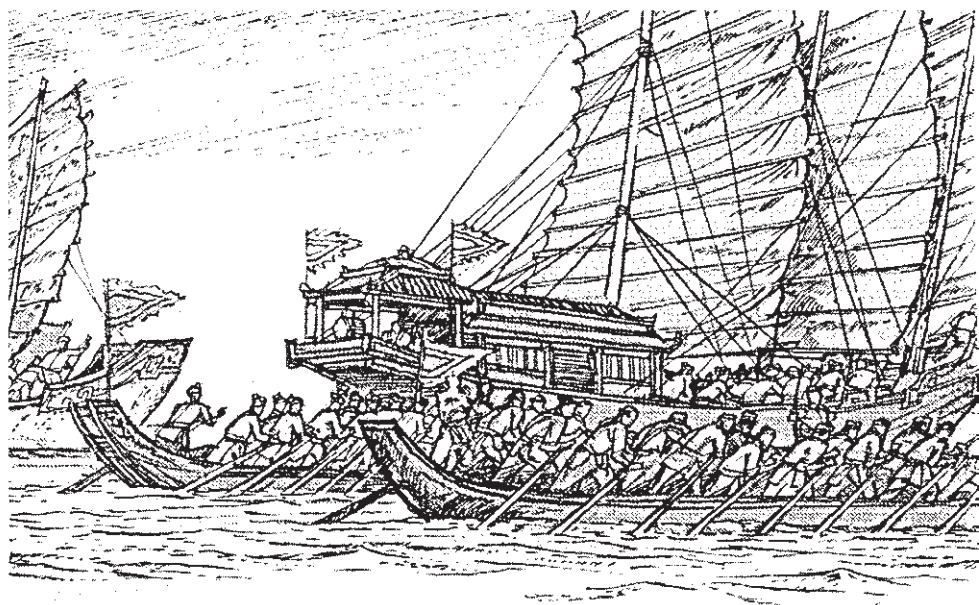
Trong khi đó, Triệu Triệt Đô đã kéo được quân đến gần bến giấu thuyền của quân Đại Việt, cố gắng thực hiện âm mưu cướp thuyền để hồng bắt sống vua Trần. Nhưng toán quân bảo vệ thuyền tuy lực lượng ít vẫn liều chết xông ra ứng chiến, chặn ngang quân của Triệu Triệt Đô. Nhờ thế, vua Trần thoát được lên thuyền.

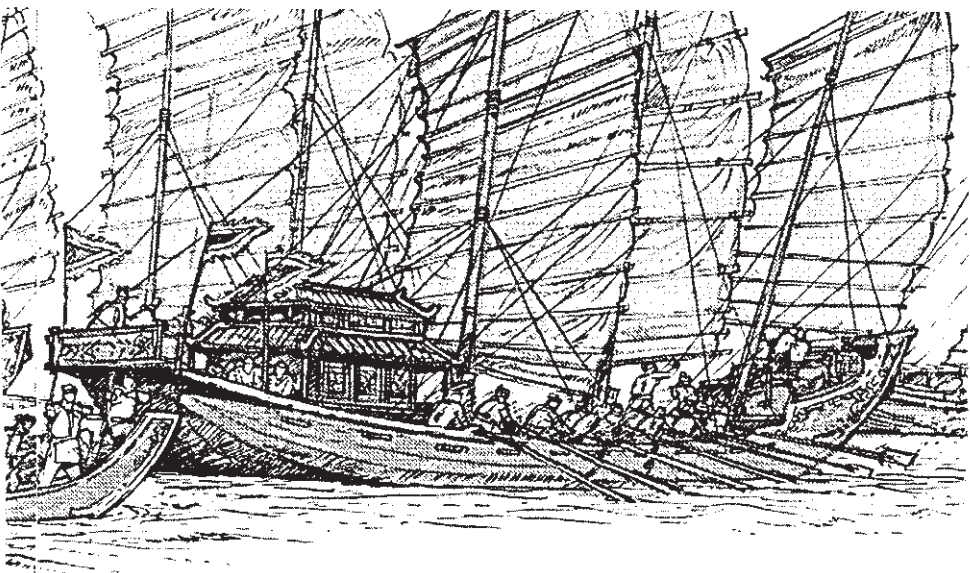




Kỵ binh Mông Cổ truy kích, bám theo thuyền của quân Trần đang xuôi dòng. Chúng vừa phóng ngựa dọc theo bờ, vừa ra sức bắn tên như mưa hồng giết chết vua Trần Thái Tông. Lê Tần nhanh trí, vớ tấm ván thuyền che cho nhà vua. Đến khi chiến thuyền vượt ra khỏi tầm bắn, tấm ván chỉ chút tên cắm như lông nhím.





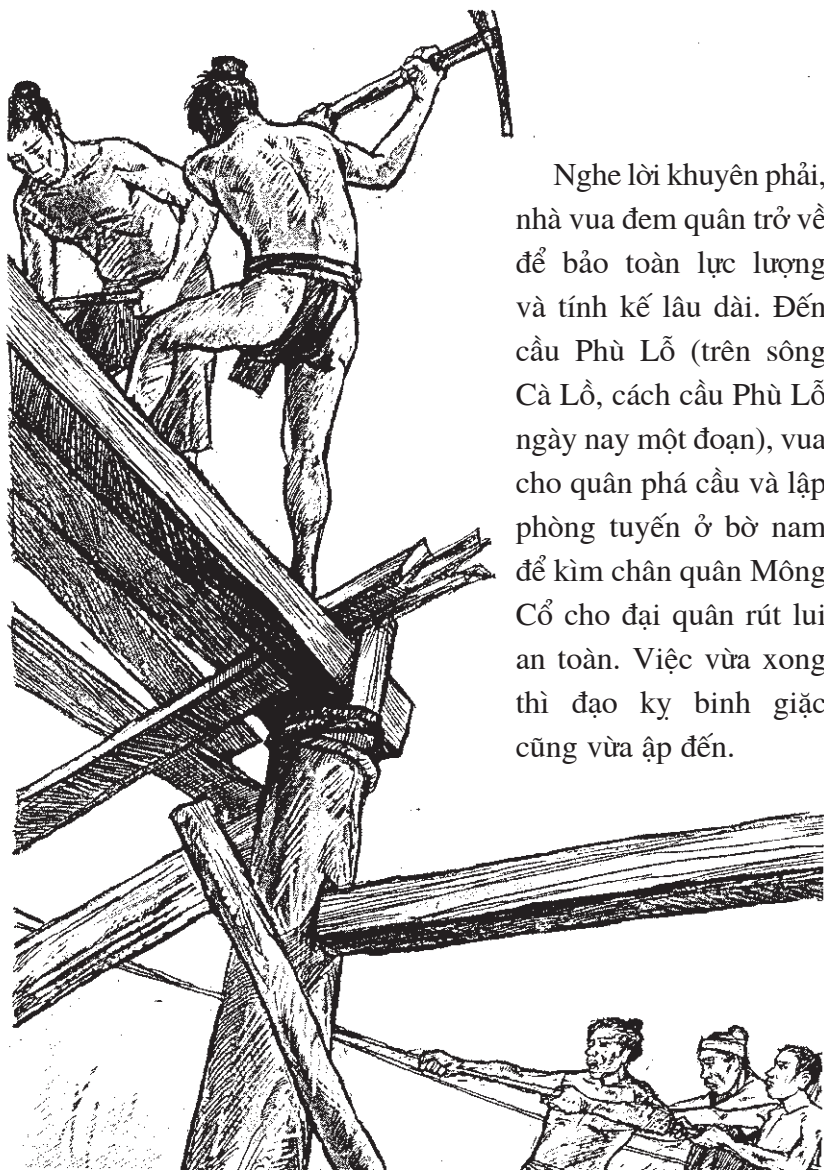


Lo lắng vì không hoàn thành nhiệm vụ được giao, quân của Triệu Triệt Đô cố truy đuổi mãi. Nhưng thuyền vua nhờ xuôi dòng và nhờ quân sĩ hết lòng chèo chống nên đi rất nhanh, chúng đành phải quay về. Thấy không bắt được vua Trần, Ngột Lương Hợp Thai tức giận cho gọi tướng tiên phong lên hỏi tội. Triệu Triệt Đô hoảng sợ, uống thuốc độc tự vẫn.





Trong khi ấy, tại bản doanh nhà Trần, một số tướng muốn điều động hết lực lượng từ Thăng Long lên để đánh một trận sống mái với giặc. Nhưng Lê Tần, vốn là người trông xa biết rộng, ra sức can ngăn. Ông tâu cùng nhà vua: *“Nếu bây giờ mà ta dốc hết lực lượng ra cố đánh, thì chẳng khác nào một con bạc vét hết đồng tiền cuối cùng quăng vào chiếu bạc, tai họa cháy túi là tất nhiên”*.



Nghe lời khuyên phải, nhà vua đem quân trở về để bảo toàn lực lượng và tính kế lâu dài. Đến cầu Phù Lỗ (trên sông Cà Lồ, cách cầu Phù Lỗ ngày nay một đoạn), vua cho quân phá cầu và lập phòng tuyến ở bờ nam để kìm chân quân Mông Cổ cho đại quân rút lui an toàn. Việc vừa xong thì đạo kỵ binh giặc cũng vừa ập đến.

Tuy không có cầu cũng không có thuyền bè, nhưng vốn là những tên thiện chiến, giàu kinh nghiệm, kỵ binh Mông Cổ vẫn tìm được cách qua sông. Chúng cho một toán đi ven bờ sông dò đường. Toán này dùng cung tên bắn xuống nước. Nếu chỗ nào cạn thì mũi tên sẽ cắm xuống đất mà không nổi lên. Và như thế, chúng cho ngựa men theo những chỗ không có tên nổi, dẫn đoàn kỵ binh qua sông, tiếp tục truy kích quân Đại Việt.



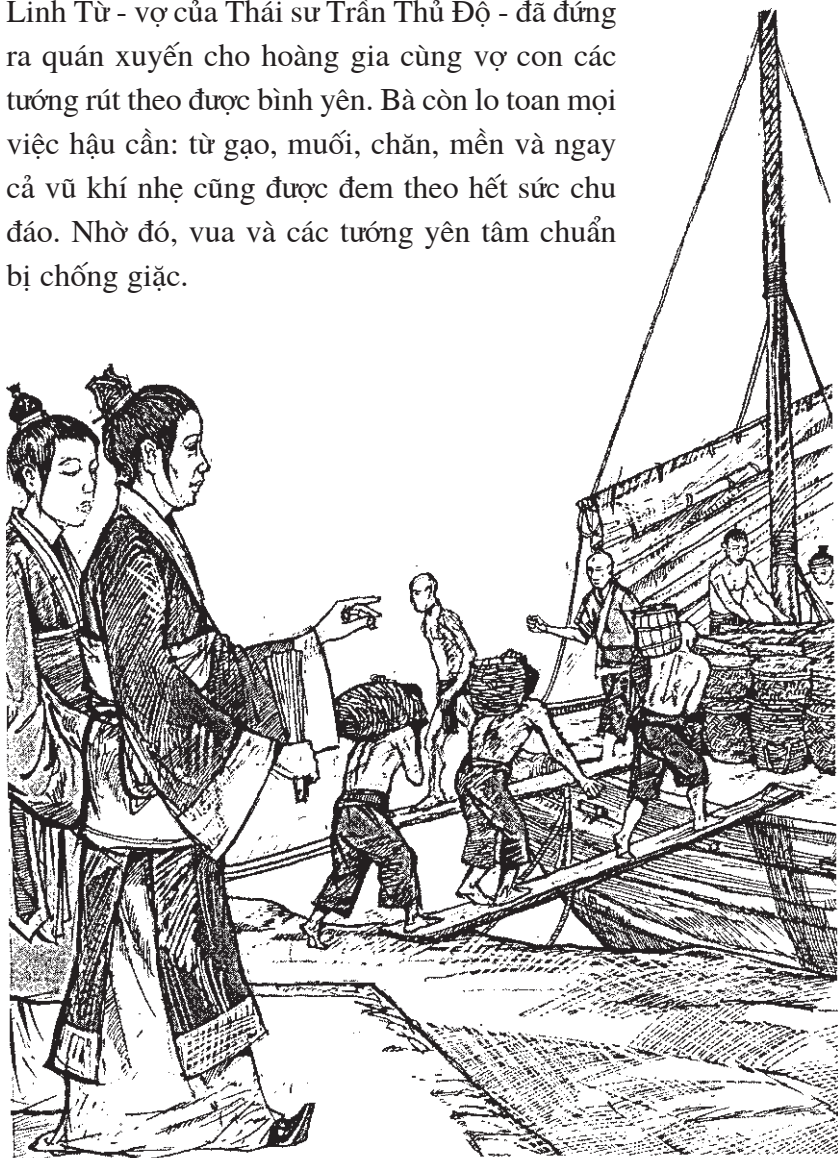
Phú Lương hầu, một tướng trong dòng họ nhà Trần, đứng ra chặn địch. Ông hy sinh nhưng quân Đại Việt đã rút lui an toàn. Đại quân về đóng tại bến Đông Bộ Đầu ở phía đông thành Thăng Long^(*), sau đó nhà vua cho quân rút về đóng ở sông Thiên Mạc^(**), cách Thăng Long khoảng 20 cây số về phía nam.

** Ở dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.*

*** Ở Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay.*



Dân chúng cũng được huy động rút khỏi Thăng Long. Giữa lúc tình hình khẩn cấp, bà Linh Từ - vợ của Thái sư Trần Thủ Độ - đã đứng ra quán xuyến cho hoàng gia cùng vợ con các tướng rút theo được bình yên. Bà còn lo toan mọi việc hậu cần: từ gạo, muối, chăn, mền và ngay cả vũ khí nhẹ cũng được đem theo hết sức chu đáo. Nhờ đó, vua và các tướng yên tâm chuẩn bị chống giặc.



Quân Mông Cổ kéo vào thành Thăng Long, hí hửng nghĩ rằng đã làm chủ được một kinh đô giàu có đầy của cải. Nhưng càng tiến vào, chúng càng thất vọng. Nhân dân hưởng ứng triều đình, bỏ thành mà đi. Thăng Long chỉ còn là tòa thành vắng lặng, vườn không nhà trống. Quân Mông Cổ không thể cướp bóc được gì nhiều.





Sực nhớ các đoàn sứ giả đã phái đi trước đây, Ngột Lương Hợp Thai cho quân lùng sục mãi mới tìm thấy chúng trong ngục thất. Tất cả đều bị trói nằm lăn lóc. Có một tên sợ quá đã chết. Ngột Lương Hợp Thai tức lồng lên, cho người đi cướp bóc khắp nơi để trả thù.

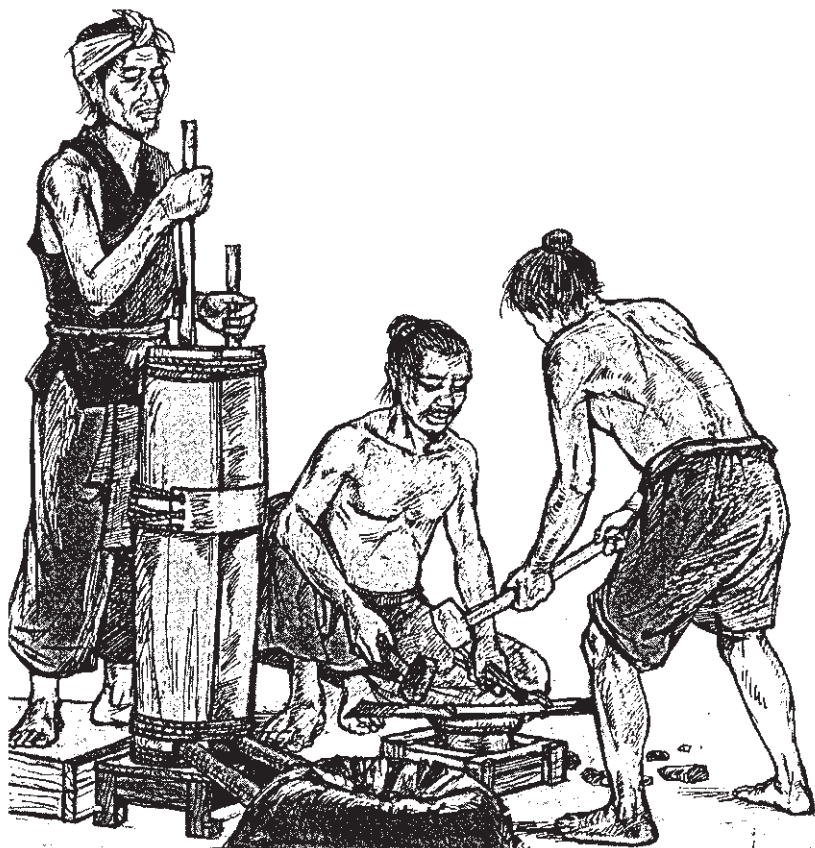
Trong khi ấy, vua Trần Thái Tông tìm mọi cách đẩy lui quân xâm lăng. Nhà vua đi thuyền đến gặp người em ruột tên là Trần Nhật Hạo để vấn kế. Trước thế giặc quá lớn, Trần Nhật Hạo khiếp sợ đến nỗi không nói được mà cũng không đứng dậy được. Ông ta run run lấy ngón tay chấm xuống nước rồi viết vào mạn thuyền hai chữ “nhập Tống”, ý khuyên vua nên chạy qua Trung Quốc để dựa vào nước Tống.



Ngao ngán trước tình thần bạc nhược của người em, vua Trần Thái Tông quay thuyền đi đến gặp Thái sư Trần Thủ Độ. Trái hẳn với Trần Nhật Hạo, Trần Thủ Độ khẳng khái tâu: “*Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác*”. Nói đoạn, ông cùng nhà vua bàn định kế hoạch đánh giặc. Việc trước tiên là lo lương thảo, việc thứ hai là lo binh khí.



Về lương thảo thì nhà vua không cần bận tâm vì toàn dân đoàn kết góp gạo nuôi quân. Còn binh khí thì bà Linh Từ lại một lần nữa tỏ ra rất năng nổ. Bà vận động dân chúng thu nhặt những binh khí bị rơi vãi khi rút lui, đồng thời khấn trương rèn giáo mác, vót tên góp thêm cho quân đội. Bà còn thân hành đi gom góp vũ khí ở các nhà giàu có. Nhờ quân dân chung tay góp sức, chẳng mấy chốc, quân Đại Việt đã lấy lại sức mạnh.



Trong khi đó, tình trạng của quân Mông Cổ thì lại quá tồi tệ. Cảnh vườn không nhà trống ở Thăng Long làm cho chúng khổ sở. Lương thực mang theo đã cạn mà lại không cướp bóc được gì nhiều nên chúng thường xuyên bị đói. Chúng chỉ nghĩ đến việc kiếm cái ăn để lấp vào dạ dày đang trống rỗng. Ngày Tết đầu năm đã cận kề mà chẳng được rượu chè đình đám, chúng không còn tinh thần chiến đấu nữa.



Thấy thời cơ đã đến, vào ngày 24 tháng chạp (29-1-1258), vua Trần Thái Tông ra lệnh xuất quân. Ngài cùng Thái tử Hoảng (sau này là vua Trần Thánh Tông) ngự trên lầu thuyền, chỉ huy đoàn thủy quân từ Thiên Mạc ngược dòng sông Hồng rồi ào ạt tiến về Thăng Long.



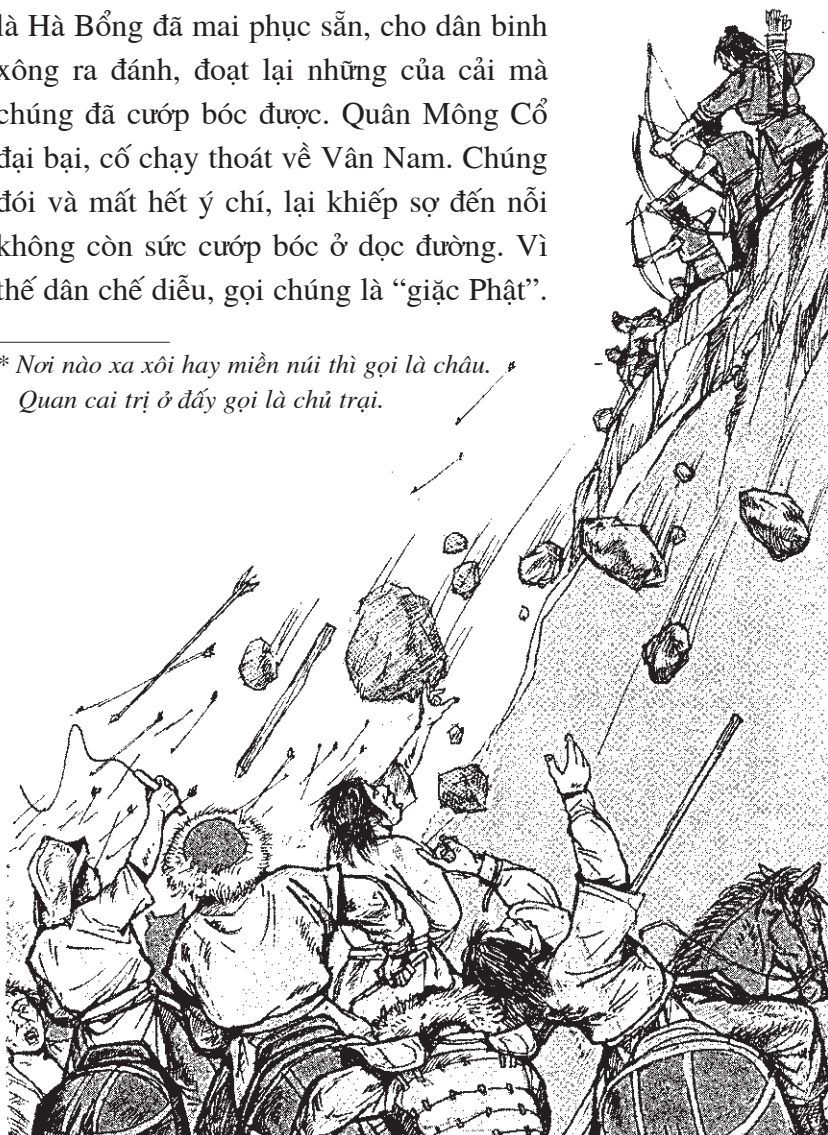


Đoàn thủy quân đối trận với quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Việc xáp chiến chỉ xảy ra chớp nhoáng. Quân ta khí thế đang hăng, càng đánh càng thắng. Chẳng bao lâu, quân Mông Cổ đã phải tháo chạy.



Chạy đến châu^(*) Quy Hóa (tương đương với miền Yên Bái - Lào Cai hiện nay), giặc tưởng rằng đã thoát thân. Nào ngờ chủ trại là Hà Bổng đã mai phục sẵn, cho dân binh xông ra đánh, đoạt lại những cửa cái mà chúng đã cướp bóc được. Quân Mông Cổ đại bại, cố chạy thoát về Vân Nam. Chúng đói và mất hết ý chí, lại khiếp sợ đến nỗi không còn sức cướp bóc ở dọc đường. Vì thế dân chế diễu, gọi chúng là “giặc Phật”.

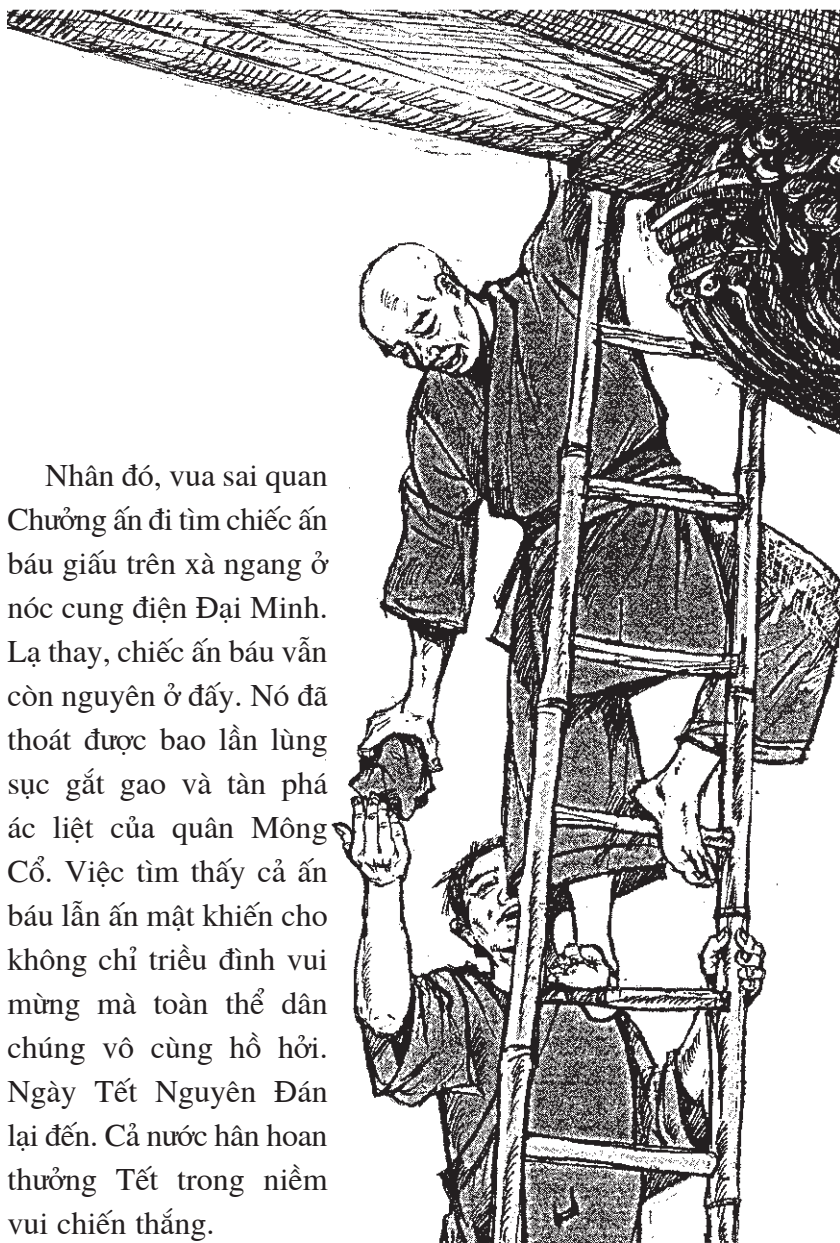
** Nơi nào xa xôi hay miền núi thì gọi là châu.
Quan cai trị ở đấy gọi là chủ trại.*



Quân Đại Việt đại thắng, vào đến Thăng Long. Nơi nơi hân hoan chào đón đoàn quân trở về. Trước đây, trên bước đường bôn ba, chiếc ấn mật của nhà vua đã bị mất, nay có người đem dâng lại. Thì ra người này nhặt được chiếc ấn từ lâu nhưng sợ quân Mông Cổ biết được mà cưỡng chiếm nên đã giấu rất kỹ. Chờ quân nhà vua trở về, ông mới dám đến trao tận tay cho quan Chương ấn.



Nhân đó, vua sai quan Chuông ấn đi tìm chiếc ấn báu giấu trên xà ngang ở nóc cung điện Đại Minh. Lạ thay, chiếc ấn báu vẫn còn nguyên ở đấy. Nó đã thoát được bao lần lùng sục gắt gao và tàn phá ác liệt của quân Mông Cổ. Việc tìm thấy cả ấn báu lẫn ấn mật khiến cho không chỉ triều đình vui mừng mà toàn thể dân chúng vô cùng hồ hởi. Ngày Tết Nguyên Đán lại đến. Cả nước hân hoan thưởng Tết trong niềm vui chiến thắng.

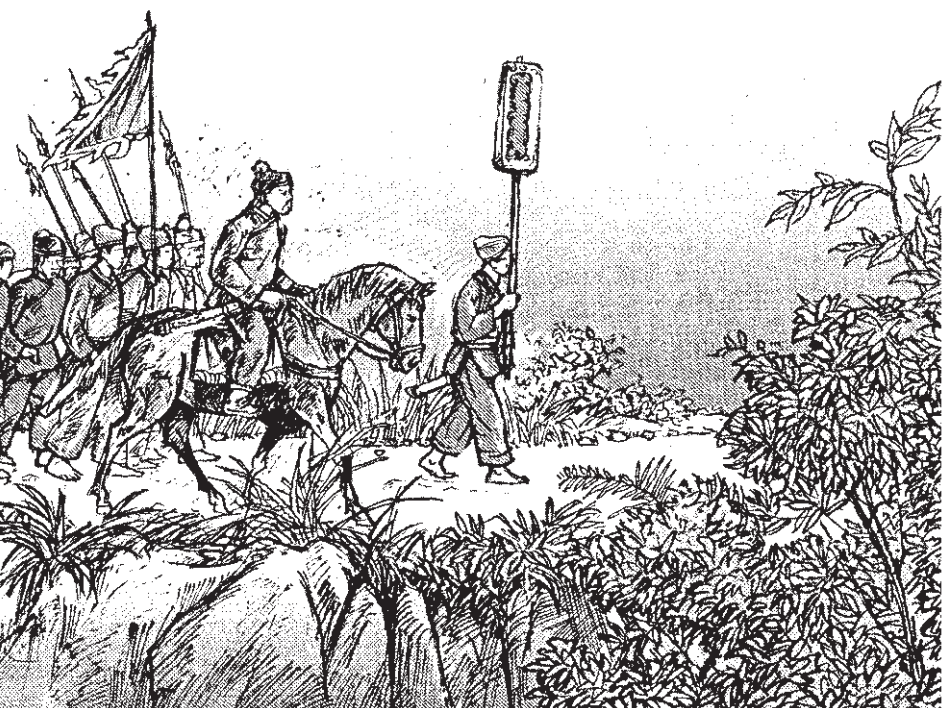


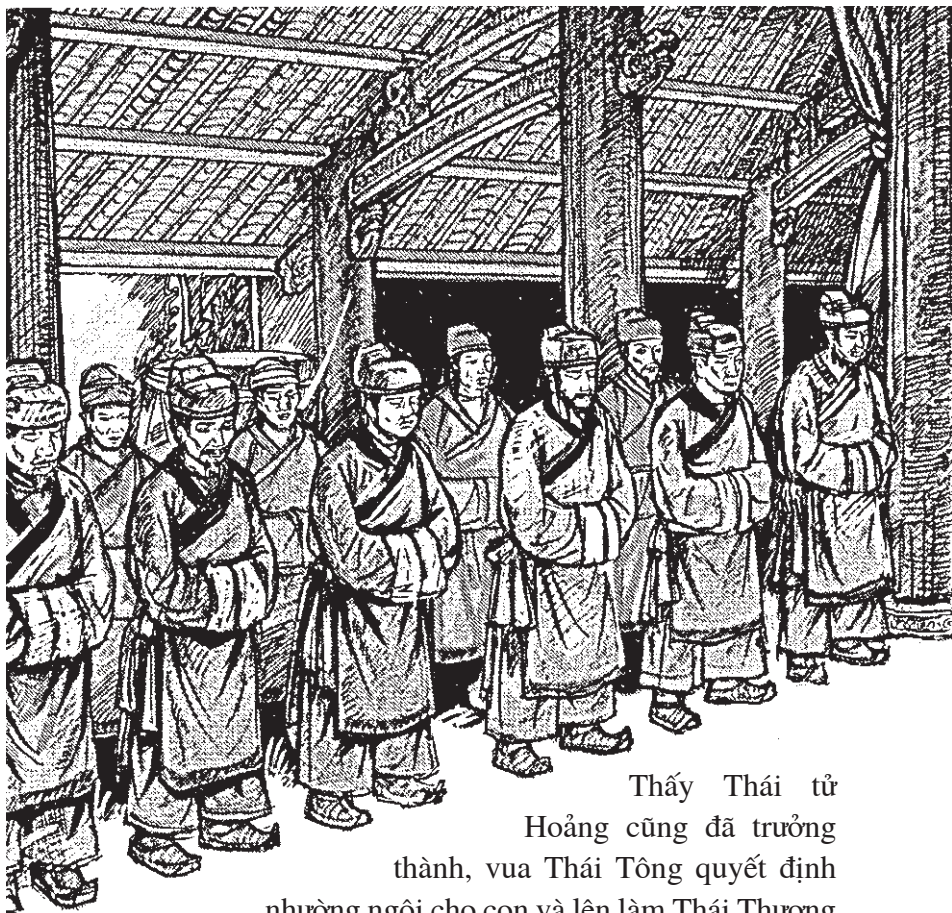
Vào đúng ngày mồng một Tết năm Mậu Ngọ, nhà vua cho tập hợp trăm quan vào chầu và định công để ban thưởng. Chủ trại châu Quy Hóa được phong tước hầu. Lê Tần được phong tước Bảo Văn hầu và sau được thăng làm Ngự sử. Ông còn được nhà vua đặt tên là Lê Phụ Trần để ghi nhớ công lao phò vua giúp nước. Những người khác cũng đều được thưởng tùy theo sức cống hiến. Trăm dân bình yên, nước nhà thái bình.





Nhưng cảnh thái bình không được trọn vẹn. Quân Mông Cổ tuy thua trận nhưng vẫn không dứt bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt. Chúng sai sứ sang đòi vua Trần hàng năm phải tiến cống của cải. Nhận biết rằng mình là một nước nhỏ, vua Trần Thái Tông đã có chính sách mềm dẻo để tránh họa xâm lăng. Nhà vua cho thành lập một phái đoàn do Lê Phụ Trần đứng đầu, đem lễ vật sang cống cho Mông Cổ. Hai bên định lệ là cứ ba năm thì Đại Việt sang cống một lần.





Thấy Thái tử
Hoảng cũng đã trưởng
thành, vua Thái Tông quyết định
nuường ngôi cho con và lên làm Thái Thượng
hoàng. Vào ngày 24 tháng 2 âm lịch (1258), Thái tử lên
nối ngôi, tức vua Trần Thánh Tông. Việc truyền ngôi dưới thời
Trần là nhằm tránh chuyện tranh giành ngôi báu, đồng thời giúp
vua mới tập tành việc cai trị. Vì thế, Thượng hoàng vẫn trông coi
chính sự. Ngài cho đổi làng Tức Mặc (quê hương các vua Trần
ở Nam Định) thành phủ Thiên Trường và lập cung Trùng Quang
để về sống ở đấy. Từ đó, các Thượng hoàng nhà Trần đều về ngự
ở cung Trùng Quang để giúp vua lo việc nước.





Nhân dịp lên ngôi, theo phong tục đẹp đẽ đã có từ trước, vua Trần Thánh Tông ra lệnh đại xá cho tù phạm. Nhiều tù nhân được xóa án và được ra sống đời thường. Họ biết ơn nhà vua và ra sức lao động để chuộc lại những lỗi lầm xưa.

Sử sách ghi lại rằng vua Trần Thánh Tông là người nhân từ, biết tôn trọng hiền sĩ. Đặc biệt, nhà vua không xa cách với anh em, bà con. Các anh em, bà con có thể tự do vào cung chơi đùa, thơ từ xướng họa và cùng ăn, cùng ngủ với vua. Chỉ khi nào phải giải quyết việc nước thì khi ấy mới phân ra rõ ràng vua và tôi. Không những nhà vua thành tâm thực hiện mà còn truyền dạy cho con cháu đời sau phải noi theo. Bởi vậy, đời Trần, quan hệ tộc thuộc hết sức gắn bó, thân tình.



Suốt 21 năm nhà vua trị vì, nhờ đối phó mềm dẻo với quân Mông Cổ mà giữ cho đất nước không phải lâm vào cảnh chiến tranh, nhân dân no ấm. Mặc dù Mông Cổ vẫn luôn luôn hạch sách, sai sứ sang đồ lỗi vì Đại Việt giam giữ sứ giả nên mới có chiến tranh giữa hai nước và đòi nhà vua phải thân hành sang châu, nếu không sẽ cất quân tiến đánh. Tuy mềm mỏng nhưng vua viện đủ lý do để không sang châu, thậm chí không lạy chiếu chỉ của hoàng đế Mông Cổ.



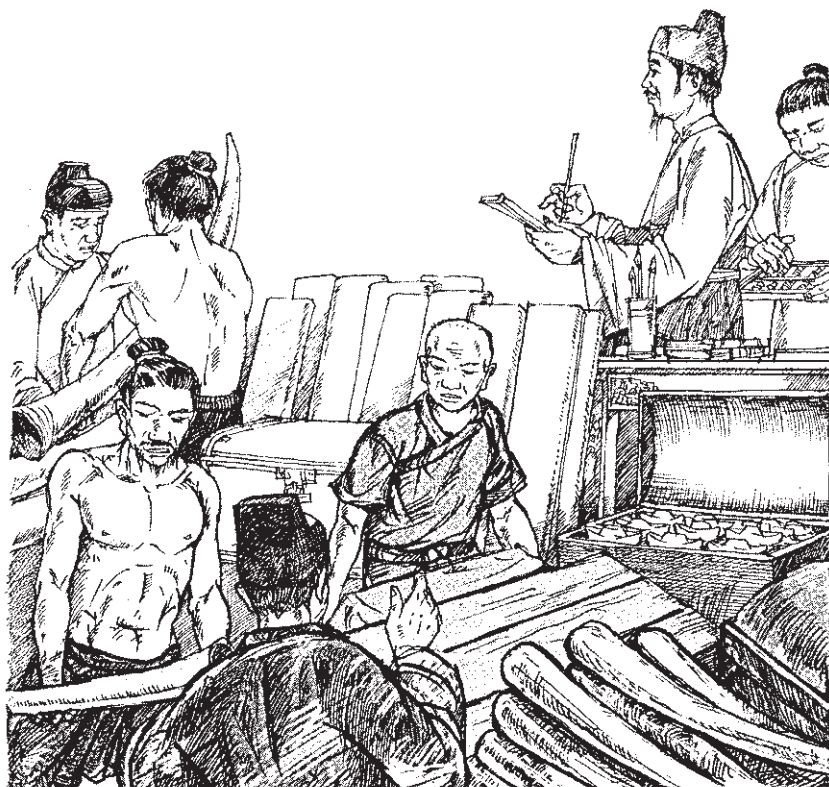
Mặc dù rất muốn thôn tính Đại Việt, nhưng lúc ấy nội bộ Mông Cổ có sự xáo trộn. Năm 1259, Mông Kha đánh nhau với quân Tống và bị giết chết trên chiến trường. Ngôi Hãn bỏ trống khiến hai em của Mông Kha là Hốt Tất Liệt và A Lý Bất Ca (Ariq Boke) tranh giành lẫn nhau. Hốt Tất Liệt tự xưng là hoàng đế Mông Cổ rồi đem quân đánh nhau với người cháu, gây ra cảnh nổi loạn da xáo thịt.



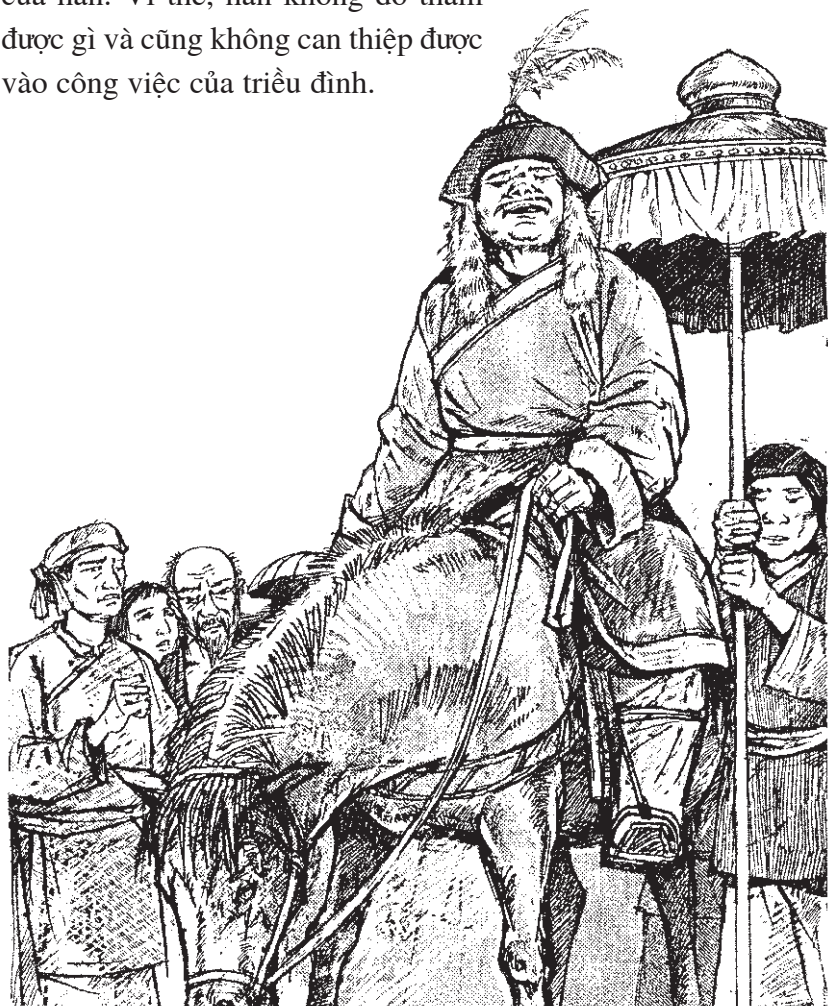


Do nội bộ chưa ổn, Hốt Tất Liệt cho người đem thư sang Đại Việt hứa hẹn sẽ không gây hấn nữa nhưng yêu sách vua Trần phải nộp cống vàng bạc, ngọc quý, ngà voi, trầm hương, sừng tê, đồi mồi, vải trắng, chén sứ... Ngoài ra còn phải cống cả nho sĩ, thầy thuốc có tài, người giỏi âm dương bói toán, các loại thợ lành nghề... mỗi thứ 3 người. Thậm chí còn đòi nộp cả thương nhân người Hồi Hột (Uyghur tức người Duy Ngô Nhĩ ở phía nam Tân Cương, Trung Quốc) đang sống và buôn bán ở Đại Việt.

Vua Trần Thánh Tông chấp nhận việc cống lễ vật. Ngài cho gom góp các thứ mà quân Mông Cổ yêu cầu và cho người đem sang. Riêng việc cống người thì nhà vua cương quyết không tuân theo. Hốt Tất Liệt không làm gì được, nhưng lại gửi sang một viên quan Mông Cổ nhậm chức Đạt Lỗ Hoa Xích (Darughachi) nhằm mục đích giám sát mọi mặt của Đại Việt.



Không để tình hình quá căng thẳng, nhà vua đành phải chấp nhận. Tên quan Mông Cổ hống hách, ngênh ngang dõm ngó khắp nơi. Nhà vua cho người giám sát chặt chẽ từng bước đi của hắn. Vì thế, hắn không dò thám được gì và cũng không can thiệp được vào công việc của triều đình.



Tuy bề ngoài thần phục Mông Cổ nhưng vua Thánh Tông vẫn chú trọng việc quân sự, cho chuẩn bị quân mã, thuyền bè, khí giới. Nhiều đợt tuyển quân được tiến hành. Quân đội được phân ra làm *quân* và *đô*, mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người. Nhiều cuộc tập trận được diễn ra.



Ngoài ra, nhà vua còn sai các tướng thường xuyên đi tuần thám ở vùng biên giới. Thái sư Trần Thủ Độ lúc này tuy đã lớn tuổi, nhưng không quản nặng nhọc, vẫn đích thân chỉ huy quân sĩ đi tuần phòng ở vùng Lạng Sơn (mùa thu năm 1263), không kể mưa to gió lớn, không kể bệnh dịch đang hoành hành trong nước.



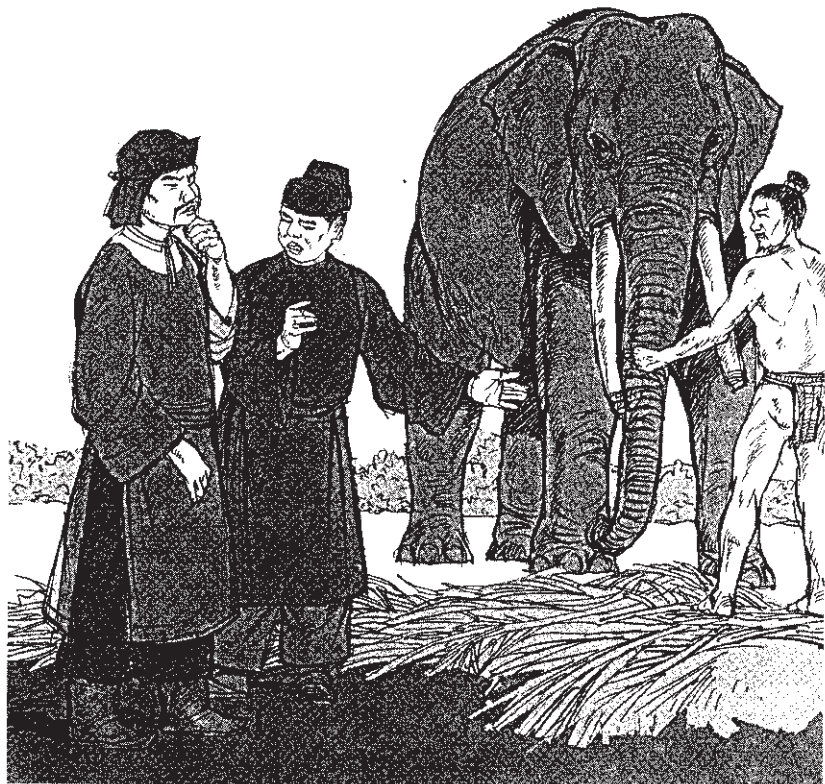
Qua mùa xuân năm sau (1264), Thái sư Trần Thủ Độ lâm trọng bệnh và từ trần. Thượng hoàng Thái Tông, vua Thánh Tông cùng triều đình vô cùng thương tiếc. Người tướng già ấy đã đặt nền móng cho nhà Trần, góp nhiều công sức trong việc ổn định và chấn hưng đất nước.



Sau khi dẹp yên nội loạn và chính thức làm hoàng đế Mông Cổ, Hốt Tất Liệt tăng cường yêu sách với Đại Việt. Vào năm 1267, y gửi thư đòi vua Trần phải thực hiện 6 việc: Phải qua Mông Cổ châu chúa Mông Cổ; phải gửi con hoặc em sang làm con tin; phải nộp sổ kiểm kê dân số; phải cho người đi quân dịch cho Mông Cổ; phải nộp thuế; phải để cho viên quan Đạt Lỗ Hoa Xích quyền thống trị tại Đại Việt.



Vua Trần Thánh Tông không thực hiện những đòi hỏi thái quá trên. Ngài cứ lần lữa không thi hành trong suốt hơn mười năm. Vì còn vướng cuộc chiến tranh với nhà Tống nên Hốt Tất Liệt cũng không làm gì được. Năm 1270, y đòi Đại Việt phải cống voi. Vua viện cớ là voi quá to lớn và chậm chạp, năm sau sẽ tiến cống. Đến hẹn, Hốt Tất Liệt cho người sang đòi. Nhà vua lại lấy cớ là voi quyền luyến chủ, không chịu đi.



Năm 1271, sau khi chiếm được phía bắc nước Tống, Hốt Tất Liệt đổi tên nước là Đại Nguyên. Từ đó quân Mông Cổ gọi là quân Nguyên. Hốt Tất Liệt gửi chiếu thư đòi vua Trần phải sang Bắc Kinh châu. Nhà vua lại lấy cớ là bị bệnh, không thể đi được. Hốt Tất Liệt còn muốn làm nhục Đại Việt, cho người sang tìm cột đồng Mã Viện^(*).

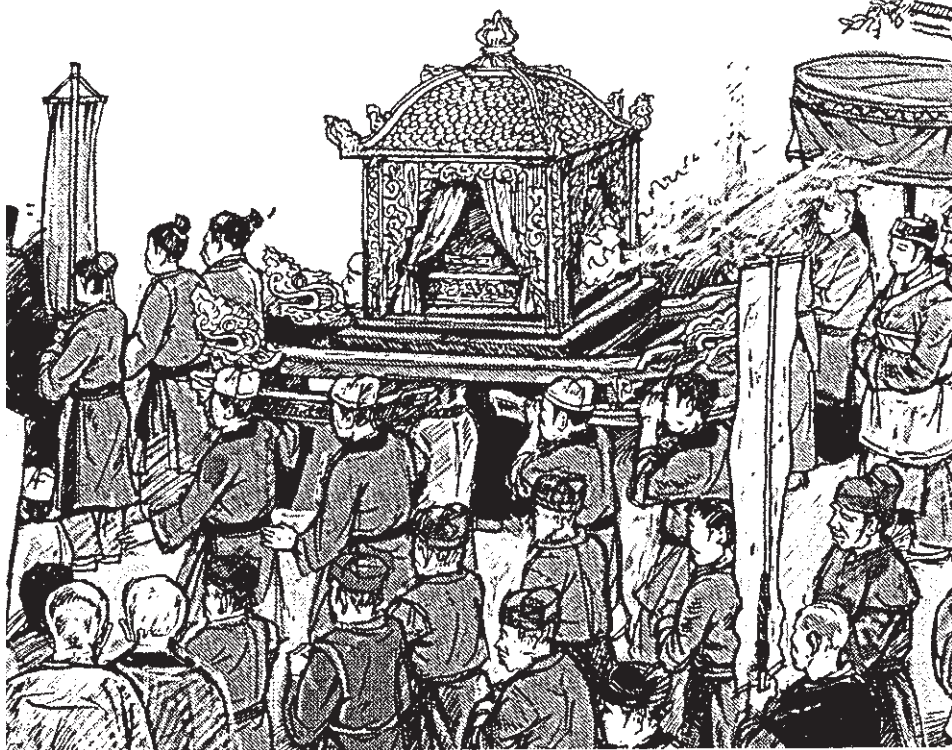
** Xem tập Hai Bà Trưng.*

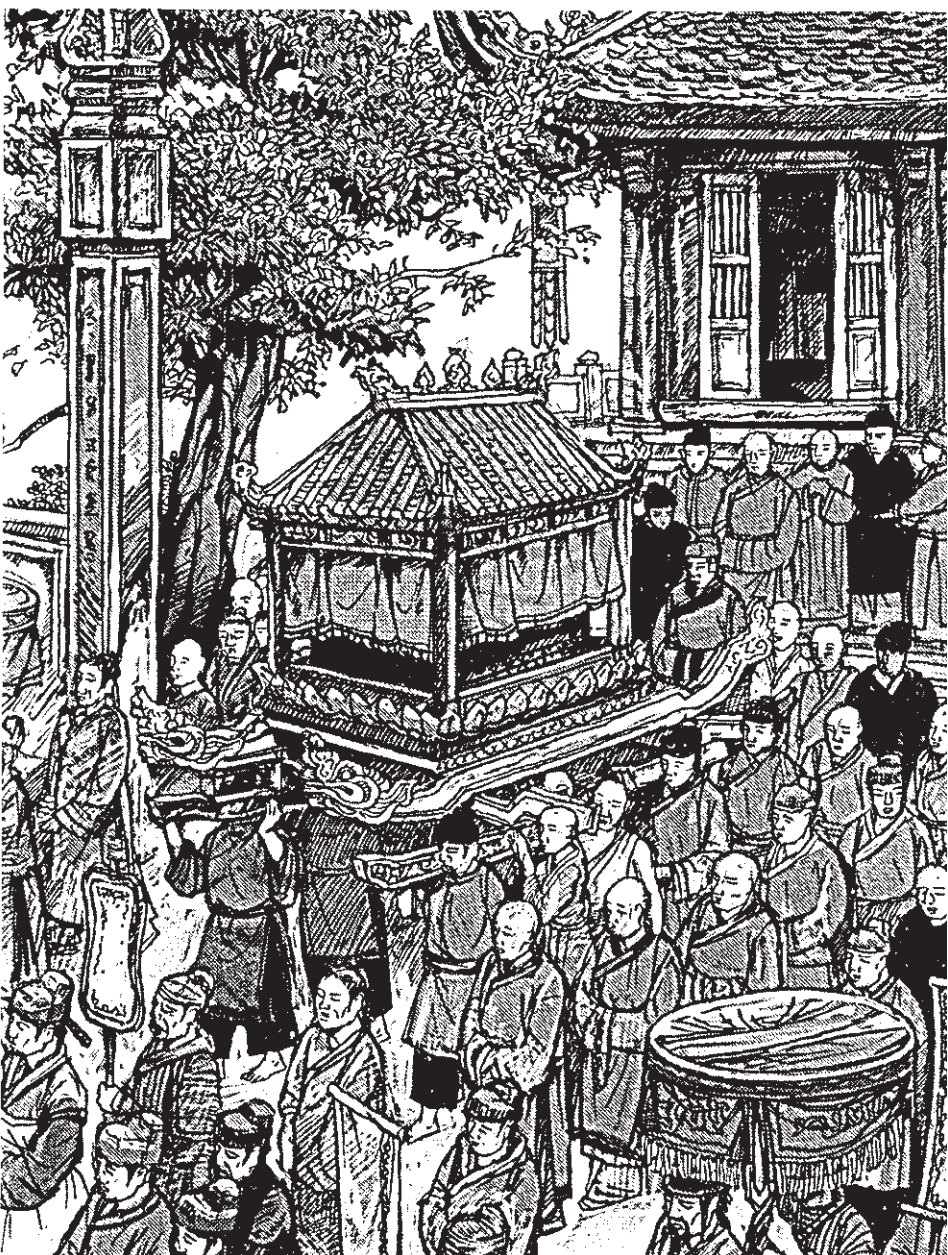


Trước đòi hỏi của quân Nguyên, vua Thánh Tông cho trả lời là cột ấy lâu ngày mất đi rồi, tìm không ra. Vào năm 1275, nhà vua cho sứ sang nhà Nguyên xin miễn chức Đạt Lỗ Hoa Xích, thay vào đó là một sứ thần. Nhà Nguyên không chịu, cứ bắt Đại Việt phải tuân thủ 6 điều như đã định. Vua Thánh Tông cũng không nhượng bộ.



Năm 1277, Thượng hoàng Thái Tông mất ở phủ Thiên Trường, thọ 60 tuổi, ở ngôi 33 năm, làm Thượng hoàng 19 năm. Vốn sùng đạo Phật, Ngài thường du ngoạn các chùa nổi tiếng như Quỳnh Lâm, Hoa Yên (Yên Tử) và dành nhiều thì giờ nghiên cứu Phật học. Ngài đã sáng tác một số tác phẩm quan trọng như “*Kiến trung thường lệ*”, “*Quốc triều thông chế*”, nhất là cuốn “*Khóa hư lục*” rất nổi tiếng vẫn còn lưu truyền đến nay. Ngoài ra ngài còn cho xây chùa Phổ Minh, một ngôi chùa lớn vào thời ấy.

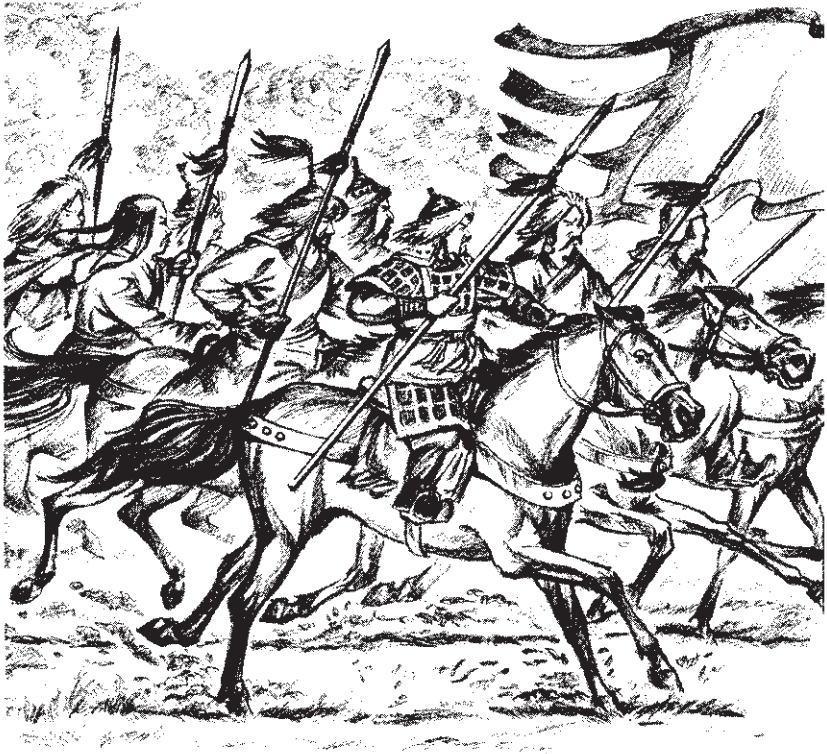






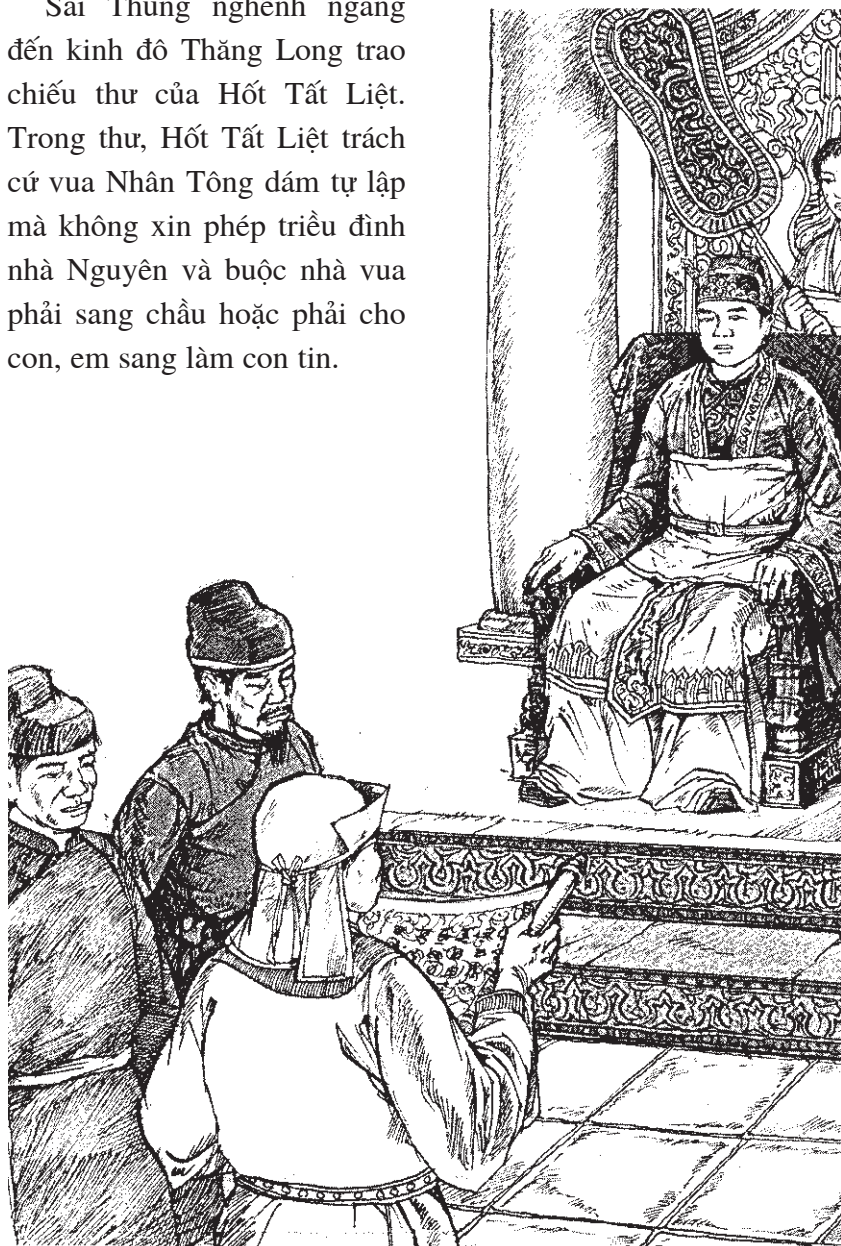
Năm 1278, vua Thánh Tông nhường ngôi cho con để làm Thượng hoàng. Thái tử Khâm lên ngôi tức vua Trần Nhân Tông. Tương truyền vua lúc nhỏ chỉ ham đọc sách, nhất là sách Phật, nên muốn nhường ngôi Thái tử cho em. Không được vua cha chấp thuận, ngài trốn lên Yên Tử định đi tu. Sau khi lên ngôi, vua vẫn ăn chay, tụng kinh niệm Phật nhưng cũng rất chú trọng việc nội trị. Dưới thời của ngài, nền văn hóa dân tộc được coi trọng. Lần đầu tiên, chữ Nôm (cải biên từ chữ Hán, được coi là chữ riêng của dân tộc ta đến khi chữ quốc ngữ phổ biến) đã được dùng trong thi phú.



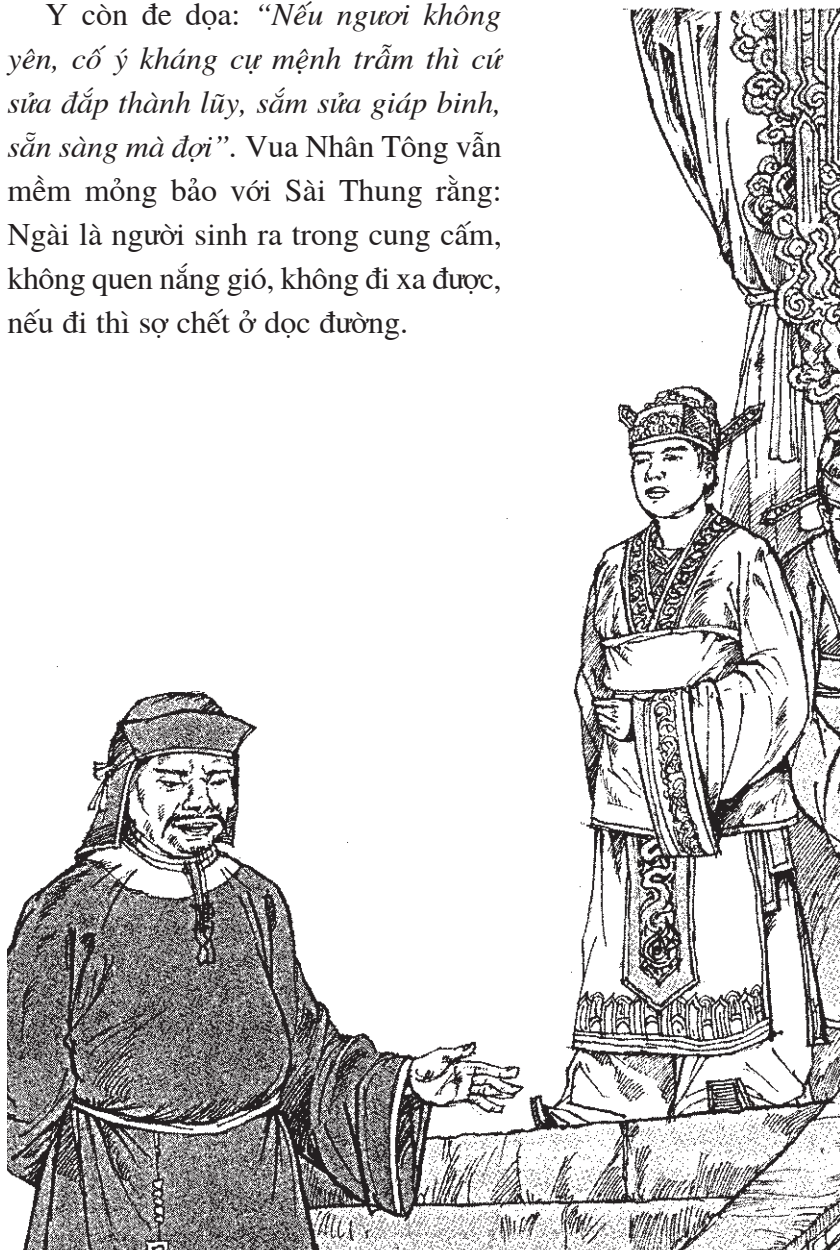


Năm 1279, quân Nguyên chiếm được nước Tống, nhà Tống diệt vong. Từ đó nhà Nguyên tiếp tục dòm ngó để mở rộng đất đai về phía nam. Đại Việt là mối thù bao năm nhức nhối, nay trở thành mục tiêu trước mắt của quân đội tinh nhuệ nhà Nguyên. Nghe tin vua Trần Nhân Tông lên ngôi, nhà Nguyên lập tức sai sứ là Sài Thung (có sách gọi là Sài Xuân) sang hạch hỏi.

Sài Thung nghênh ngang đến kinh đô Thăng Long trao chiếu thư của Hốt Tất Liệt. Trong thư, Hốt Tất Liệt trách cứ vua Nhân Tông dám tự lập mà không xin phép triều đình nhà Nguyên và buộc nhà vua phải sang châu hoặc phải cho con, em sang làm con tin.



Y còn đe dọa: “Nếu người không yên, cố ý kháng cự mệnh trẫm thì cứ sửa đắp thành lũy, sắm sửa giáp binh, sẵn sàng mà đợi”. Vua Nhân Tông vẫn mềm mỏng bảo với Sài Thung rằng: Ngài là người sinh ra trong cung cấm, không quen nắng gió, không đi xa được, nếu đi thì sợ chết ở dọc đường.



Sài Thung bắt bẻ: “*Vua Tống chỉ mới mười tuổi và cũng sinh trong cung nhưng vẫn sang chầu vua Nguyên được. Nếu không thì phải cho con hoặc em đi làm con tin*”. Vua Trần Nhân Tông vẫn một hai kháng kháng từ chối, nói rằng những người ấy nếu có sang được đến nơi cũng không thể sống nổi vì không hợp phong thổ xứ lạ.



Thất bại trong việc thuyết phục vua Trần, Sài Thung bỏ ra về. Để đầu dụ, vua Nhân Tông sai sứ đi theo, sang dâng cho Hốt Tất Liệt một số sản vật quý của Đại Việt, trong đó có hai con voi mà y đã từng đòi hỏi. Kèm với lễ vật, vua còn gửi thư cho Hốt Tất Liệt, xin miễn vào châu.



Sài Thung về đến Bắc Kinh, không cho sứ bộ Đại Việt đi theo. Sứ bộ phải trú lại một tỉnh ở phía nam để đợi lệnh. Sau khi bàn bạc cùng Sài Thung, Hốt Tất Liệt ra lệnh cho sứ bộ đến Bắc Kinh và giam lỏng tại đây. Đồng thời, y lại phái Sài Thung đi đến Đại Việt một chuyến nữa với yêu sách cống người vàng, hiền sĩ, thợ thuyền.





Trước yêu sách ngày càng tăng của nhà Nguyên, vua Trần Nhân Tông một mặt lo chuẩn bị binh mã, một mặt nhượng bộ đôi phần. Nhà vua cho người chú họ là Trần Di Ái đi thay mình để qua châu chúa Nguyên. Năm 1281, Trần Di Ái cùng một đoàn tùy tùng lãnh mệnh lên đường.

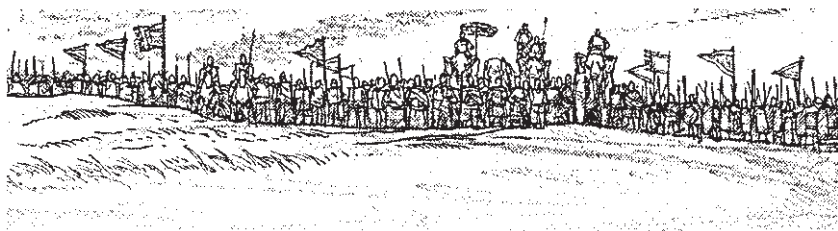
Hốt Tất Liệt ra sức chiêu dụ Trần Di Ái. Y lập một triều đình tay sai người Việt từ phái đoàn của Di Ái và phong cho Di Ái làm An Nam Quốc vương. Những người đi theo cũng được phong chức tước cao, như Lê Mục được làm Hàn lâm Học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư. Những chức này, nếu ở Đại Việt thì tất cả đều khó lòng với tới được, bởi vậy Di Ái cùng các quan đã cúi đầu chấp thuận.



Có bộ máy tay sai bù nhìn ấy, Hốt Tất Liệt tưởng như đã nắm Đại Việt trong tay. Y sai gửi chiếu thư cho vua Trần Nhân Tông với lời lẽ đặc ý: “*Ngươi đã cáo bệnh không vào chầu, nay cho ngươi được nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng, ta đã lập chú ngươi là Trần Di Ái thay ngươi làm vua nước An Nam, cai trị dân chúng của ngươi...*”^(*).

^{*} Các đoạn trong ngoặc trích theo Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm trong Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông TK XIII, Hà Nội, 1975, tr.107-111.





Biết rằng không còn hòa hoãn được nữa, vua Trần Nhân Tông cùng triều đình lo việc đối phó. Đại Việt chuẩn bị bước vào một cuộc chiến không cân sức, nhưng với quyết tâm to lớn bảo vệ chủ quyền đất nước.

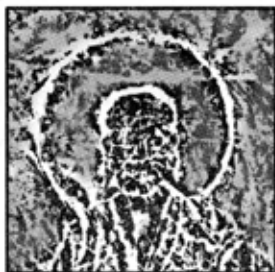


TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản dịch của Viện Sử học), NXB Khoa học Xã hội, H. 1993.
- PHAN HUY CHÚ, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện Sử học), NXB Khoa học Xã hội, H. 1992.
- TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- TRẦN QUỐC VƯỢNG và HÀ VĂN TẤN, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, H. 1987.
- HÀ VĂN TẤN và PHẠM THỊ TÂM, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, in lần thứ ba, NXB Khoa học Xã hội, H. 1972.
- *Lịch sử Việt Nam* tập I, in lần thứ hai, NXB Khoa học Xã hội.

PHỤ LỤC

**TRANH 18 VỊ LA HÁN THỜI TRẦN
CHẠM KHẮC TRÊN VÁCH ĐÁ**



TỔNG TRUNG TÍN

Theo thư tịch cổ và văn bia ghi lại thì thời Lý và thời Trần đều có vẽ tranh, nhất là tranh Phật giáo tại các chùa tháp. Tuy nhiên tranh rất khó bảo tồn, do đó ta không thể chiêm ngưỡng được các bức tranh đó nữa. Gần đây, khi nghiên cứu di tích chùa Phong Phú ở Ninh Bình, các nhà nghiên cứu đã phát hiện 18 bức tranh được vẽ ở đây có niên đại thời Trần, phản ánh phần nào tinh thần hội họa của con người thời đó.

Chùa Phong Phú (còn gọi là chùa Khúc Mộ, chùa Bảo Phúc) là một dạng chùa Hang ở động Liên Hoa, núi Cô Phong, xã Phong Phú, huyện Hoa Lư, Ninh Bình. Niên đại khởi dựng chùa có từ rất sớm, dưới thời Đinh Tiên Hoàng (thế kỷ X), phát triển qua thời Lý - Trần và tồn tại đến tận ngày nay. 18 bức tranh được chia đều vẽ lên hai bên vách đá của chùa và tập trung thể hiện 18 vị La Hán. Trong đạo Phật, La Hán là các bậc đã tu luyện đạt đến độ trường sinh bất tử nhưng chưa lên cõi niết bàn mà vãng sắc mệnh của đức Phật ở lại thế gian để hộ trì Phật pháp. Do vậy mà hầu như các chùa lớn nào cũng có tranh hoặc tượng La Hán.

Các bức tranh La Hán ở chùa Phong Phú đều có kích thước khá lớn, cao khoảng 70cm, rộng 30-40cm, có dáng gần như tấm bia cổ tròn. Mỗi một bức tranh đều có một đường viền bao quanh chạm hoa dây uốn lượn hình sin. Trong lòng mỗi bức tranh là một vị La Hán. 18 vị vừa có những đặc điểm chung lại vừa có những đặc điểm riêng.

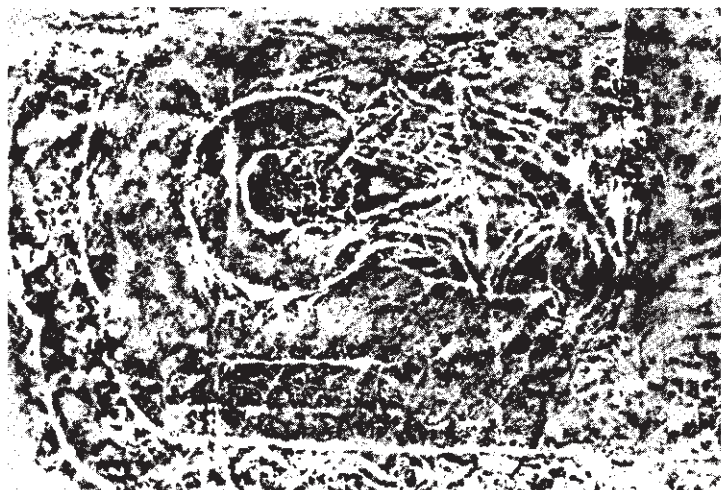
Đặc điểm chung là trên đầu các La Hán đều có các vòng hào quang hình tròn. Phía dưới các La Hán đều có các tòa sen với các cánh sen mập, mũi thuôn nhỏ tỏa đều ra hai bên. Các La Hán cũng đều mặc áo cà sa chùng rộng có nhiều nếp gấp mềm mại, cổ áo đều chéo hình chữ V.

Nét riêng là mỗi La Hán đều ngồi theo tư thế riêng, có dung mạo riêng thể hiện rõ thần thái của từng vị. Các tranh ở vách núi phía Tây tình trạng tốt hơn. Nếu ta xem từ ngoài vào thì vị La Hán thứ nhất

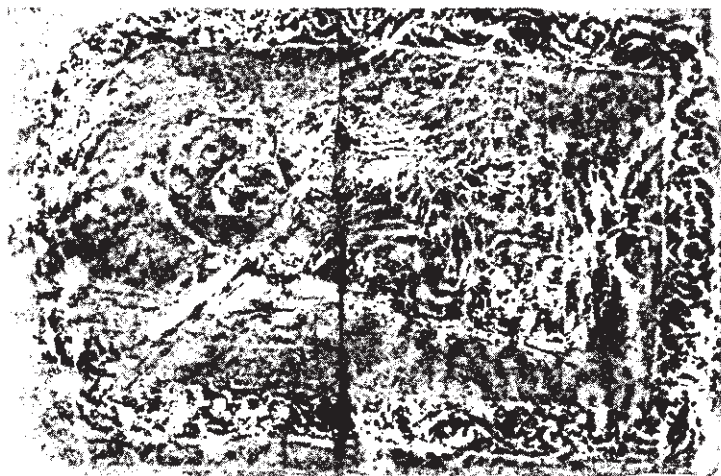
khuôn mặt hơi bị mờ. Vị thứ hai khuôn mặt dài đang nhìn thẳng về phía trước, mép và cằm đều tủa râu. Vị thứ ba cũng nhìn thẳng nhưng khuôn mặt béo đầy đặn và đang ôm một chiếc phất trần rất lớn. Vị thứ tư cũng nhìn thẳng nhưng so với vị thứ ba thì khuôn mặt tròn hơn, tay trái để trước ngực, tay phải đặt trên đầu gối phải. Vị thứ năm khuôn mặt gầy, nhìn hơi nghiêng về bên trái với đặc điểm nổi bật là tóc chải ra hai bên phủ tới vai. Vị thứ sáu nhìn nghiêng sang phía bên trái, lông mi dài phủ qua mắt. Vị thứ bảy gần tương tự vị thứ sáu nhưng không có lông mi dài và đầu cúi ngả hơn. Vị thứ tám nhìn nghiêng sang phải, khuôn mặt đầy đặn và trẻ trung. Vị thứ chín cũng nhìn nghiêng sang phải, đường nét đã bị mờ nhưng vẫn thấy rõ là già dặn hơn vị thứ tám.

Các tranh ở vách núi phía đông bị mờ nhiều nhưng nhìn chung cũng có phong cách tương tự như ở phía tây. Ở vách phía tây còn có hai tấm bia khắc xen vào các tranh La Hán. Đáng chú ý có một tấm bia có diềm hoa văn dính liền với diềm hoa văn của bức tranh La Hán bên cạnh, hình thức hoa văn y hệt như nhau. Theo nghiên cứu thì tấm bia này được dựng vào khoảng thế kỷ XIII đời Trần. Bởi vậy, có thể tin rằng các bức tranh La Hán ở đây cũng có niên đại vào khoảng thế kỷ XIII. Các tài liệu chữ viết thời Lý - Trần thường mô tả tranh Phật giáo thời Lý - Trần là biến hóa kỳ ảo, muôn hình vạn trạng. Ở những bức tranh khác còn rõ nét của chùa Phong Phú ta có thể thấy được phần nào điều đó.

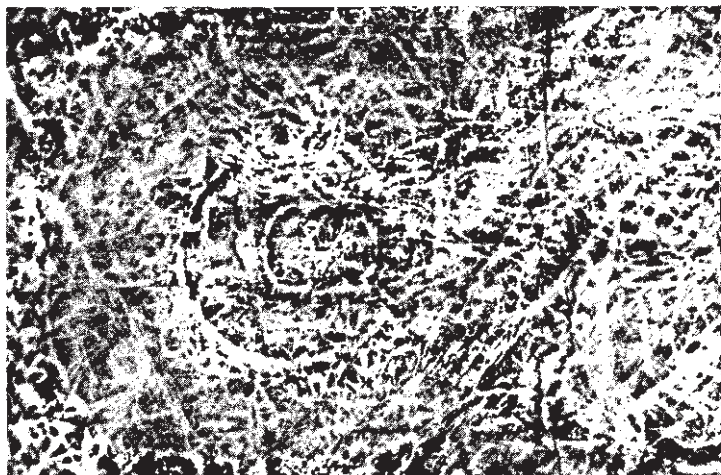
Loại hình tranh khắc Phật giáo như thế này ở nước ta là rất hiếm. Hiện nay mới chỉ thấy ở chùa Phong Phú, một ngôi chùa nhỏ nhưng có lịch sử phát triển lâu dài, nằm ở vị trí cửa ngõ kinh đô Hoa Lư thời Đinh - Lê. Chùa và các bức tranh này là hiện vật quý nên đã và đang được bảo vệ để trở thành điểm tham quan, nghiên cứu.



*Vị La Hán thứ hai ở
vách núi phía tây.*



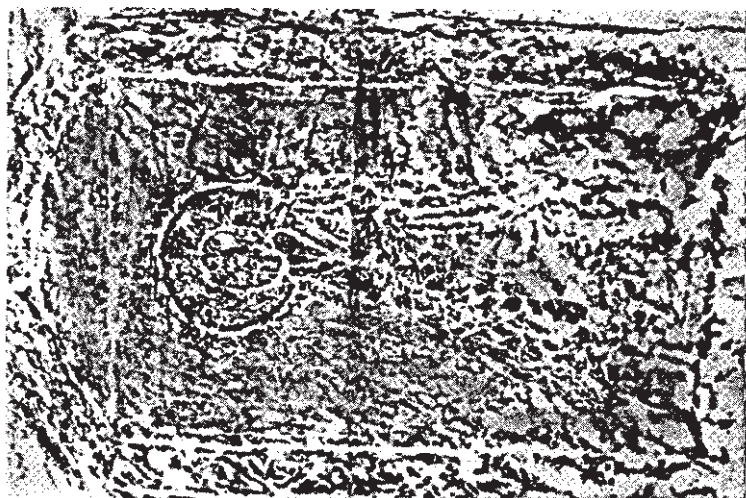
*Vị La Hán thứ nhất ở
vách núi phía tây.*



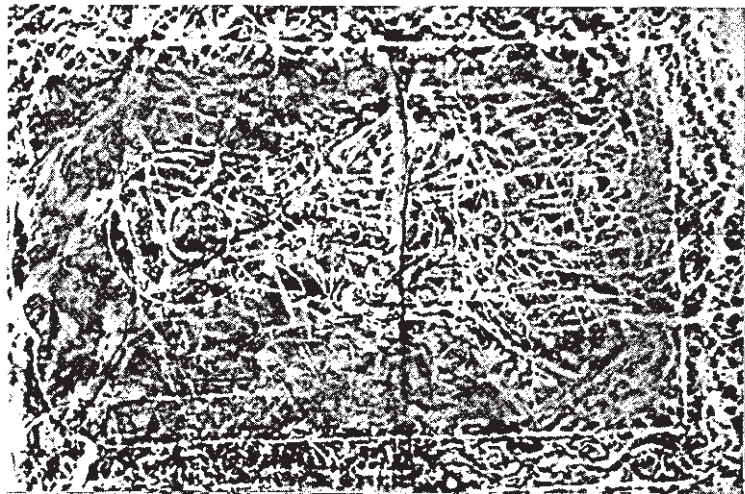
*Khuôn mặt vị La Hán thứ ba ở
vách núi phía tây.*



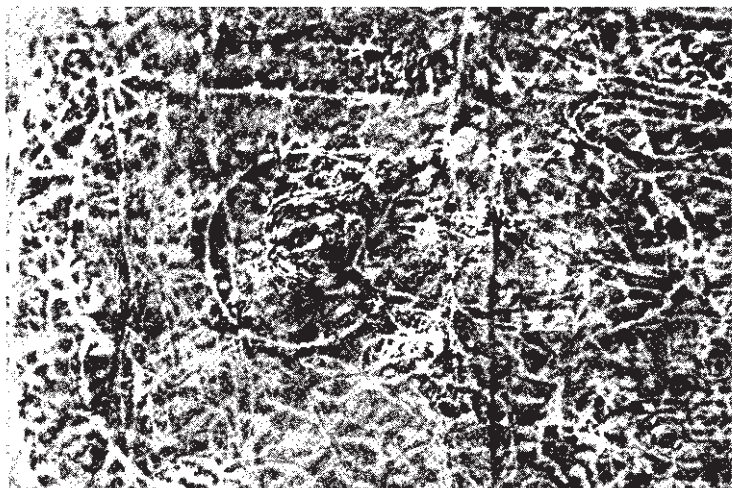
*Vị La Hán thứ ba ở
vách núi phía tây.*



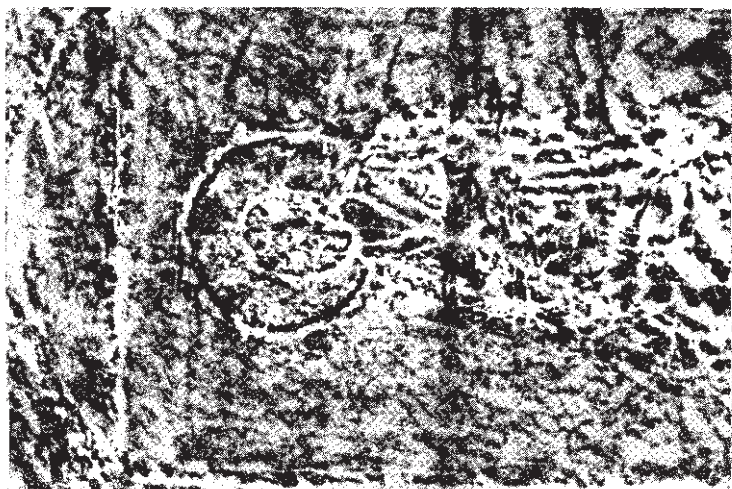
*Vị La Hán thứ năm ở
vách núi phía đông.*



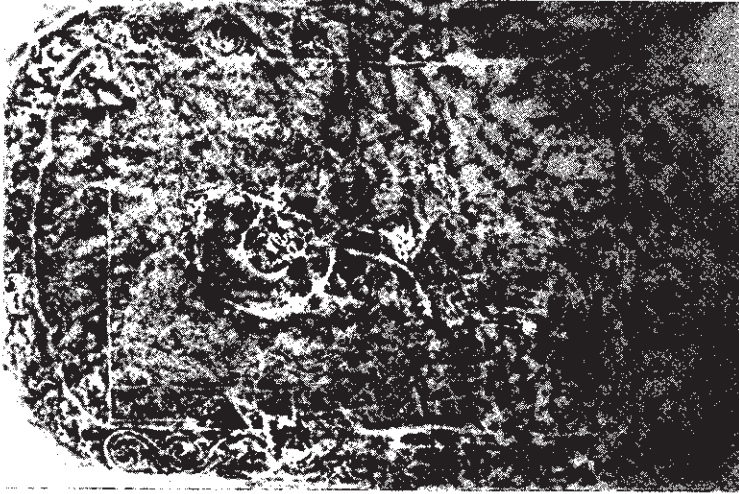
*Vị La Hán thứ tư ở
vách núi phía tây.*



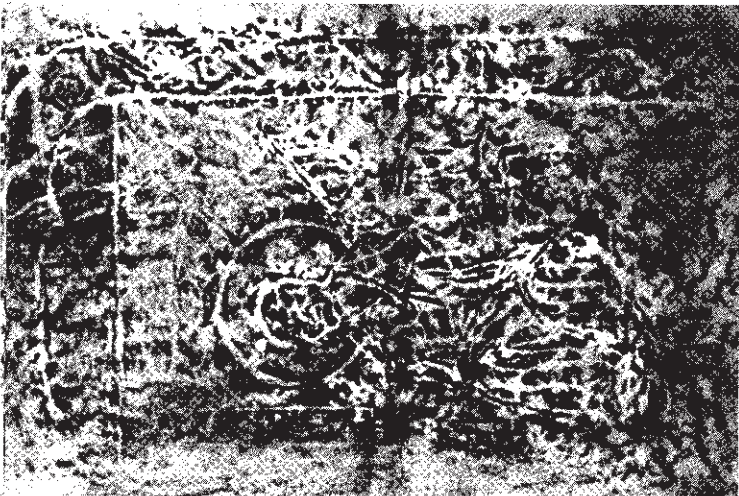
Vị La Hán thứ năm ở vách núi
phía tây.



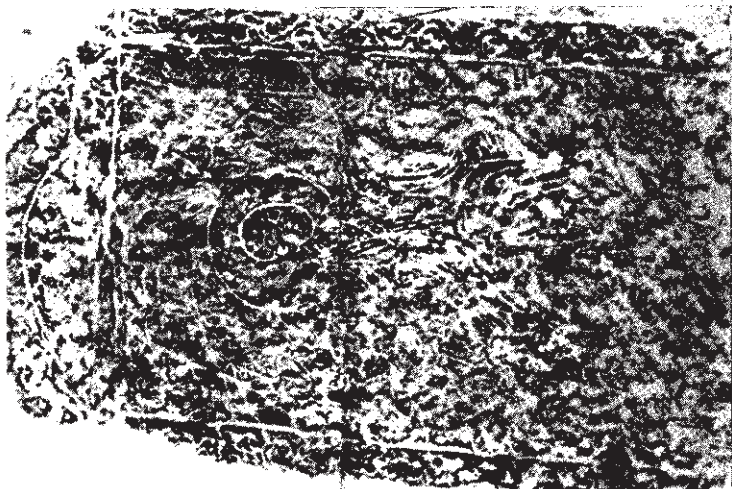
Khuôn mặt vị La Hán thứ năm
ở vách núi phía đông.



*Vị La Hán thứ bảy ở
vách núi phía tây.*



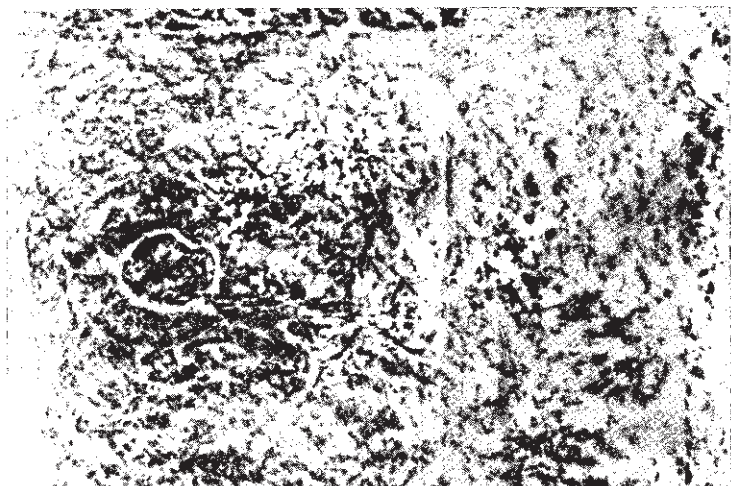
*Vị La Hán thứ sáu ở
vách núi phía tây.*



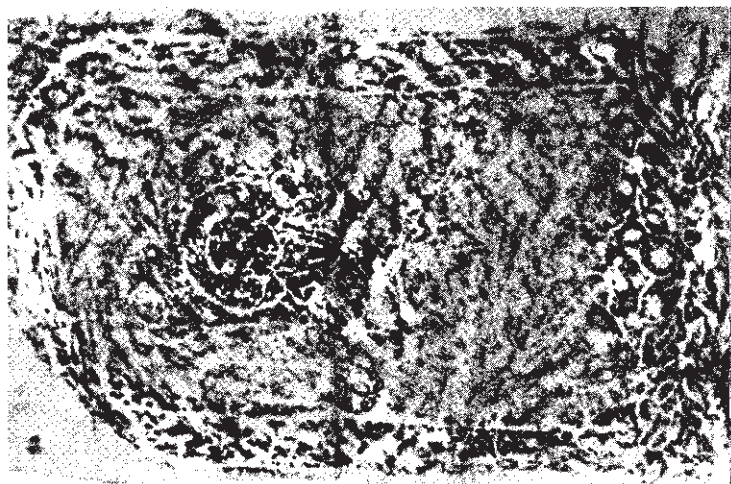
Vị La Hán thứ tám ở vách núi
phía tây.



Khuôn mặt vị La Hán thứ bảy
ở vách núi phía tây.



*Vị La Hán thứ chín ở
vách núi phía tây.*



*Vị La Hán thứ chín ở
vách núi phía đông.*

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 22
CHIẾN THẮNG QUÂN MÔNG LẦN THỨ NHẤT

Trần Bạch Đằng *chủ biên*
Tôn Nữ Quỳnh Trân *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: VŨ PHUỘNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

“Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác”.
(Lời Thái sư Trần Thủ Độ, trích Đại Việt sử ký toàn thư)



Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Mông lần thứ nhất của nhà Trần.